

Số: 393/TTTr-CTN

Bắc Ninh, ngày 26 tháng 09 năm 2016

TỜ TRÌNH

Về việc: **Phê duyệt lựa chọn Nhà đầu tư chiến lược và Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Bắc Ninh**

Kính gửi: - UBND tỉnh Bắc Ninh;
- Ban Đổi mới và Phát triển Doanh nghiệp Tỉnh.

Căn cứ:

- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành Công ty cổ phần;
- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;
- Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/10/2015 v/v hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg ngày 18/6/2014 của Chính phủ về Ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước;
- Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 03/12/2015 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc cổ phần hoá Công ty TNHH một thành viên Thoát nước và xử lý nước thải Bắc Ninh và Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Bắc Ninh;
- Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 05/02/2016 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt phương án sử dụng đất của Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Bắc Ninh khi cổ phần hóa; Văn bản 518/UBND-TNMT ngày 15/03/2016 v/v đính chính Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 05/02/2016;

- Căn cứ Quyết định số 700/QĐ-UBND ngày 20/06/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Bắc Ninh;
- Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 09/04/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt lựa chọn Tổ chức tư vấn cổ phần hoá của Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Bắc Ninh;
- Quyết định số 924/QĐ-UBND ngày 28/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt tiêu chí, trình tự lựa chọn, phương thức bán cổ phần lần đầu cho Nhà đầu tư chiến lược cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Bắc Ninh;
- Các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Bắc Ninh kính trình Ban Đối mới và Phát triển Doanh nghiệp tỉnh Bắc Ninh thẩm định, trình UBND tỉnh Bắc Ninh phê duyệt Phương án cổ phần hóa của Công ty với các nội dung chi tiết như sau:

1. Tên công ty sau cổ phần:

- Tên tiếng Việt: **Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh**
- Tên giao dịch quốc tế: BAC NINH CLEAN WATER JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: BANIWACO
- Trụ sở chính: Số 57 Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

2. Hình thức pháp lý của công ty cổ phần:

Công ty có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp, thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật, tổ chức và hoạt động theo Điều lệ của Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh; Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản pháp lý khác liên quan.

3. Hình thức cổ phần hóa: Giữ nguyên vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp, phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.

4. Vốn điều lệ: 375.886.510.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm tỷ, tám trăm tám mươi sáu triệu, năm trăm mười nghìn đồng).

5. Số cổ phần phát hành: 37.588.651 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng (mười nghìn đồng).

6. Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến:

TT	Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Vốn Nhà nước sau khi bù đắp các chi phí CPH và ưu đãi cho người LĐ	18.418.439	184.184.390.000	49,00%
2	Người lao động trong doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp mua theo năm công tác thực tế trong khu vực nhà nước (giá cổ	308.500	3.085.000.000	0,82%

TT	Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ (%)
	phần = 60% giá bán thành công thấp nhất cho nhà đầu tư chiến lược)			
3	Người lao động tiếp tục làm việc trong Công ty Cổ phần (giá cổ phần = giá bán thành công thấp nhất cho nhà đầu tư chiến lược)	1.473.000	14.730.000.000	3,92%
3.1	Mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty Cổ phần (không phải lao động chuyên gia giỏi, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao)	0	0	0%
3.2	Mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty Cổ phần đối với lao động chuyên gia giỏi, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao	1.473.000	14.730.000.000	3,92%
4	Cổ phần ưu đãi cho công đoàn	0	0	0,00%
5	Cổ phần Nhà đầu tư chiến lược	15.855.147	158.551.470.000	42,18%
5.1	Nhà đầu tư là tổ chức	13.155.914	131.559.140.000	35%
5.2	Nhà đầu tư là cá nhân	2.699.233	26.992.330.000	7,18%
6	Cổ đông mua cổ phần qua đấu giá	1.533.565	15.335.650.000	4,08%
	Tổng cộng:	37.588.651	375.886.510.000	100%

7. Phương thức, trình tự phát hành cổ phần:

Tất cả cổ phần của Công ty tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông. Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty cổ phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Trình tự phát hành cổ phần:

1) Bán cổ phần cho Nhà đầu tư chiến lược bằng phương pháp thỏa thuận, giá khởi điểm: **10.000 đồng/01 cổ phần (mười nghìn đồng)**.

2) Bán cổ phần cho người lao động theo thời gian thực tế (tính bằng năm) làm việc trong khu vực nhà nước, giá bán bằng 60% giá bán thỏa thuận thành công thấp nhất cho nhà đầu tư chiến lược.

3) Bán cổ phần cho người lao động theo thời gian cam kết tiếp tục làm việc tại công ty cổ phần và người lao động là chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao theo thời gian cam kết tiếp tục làm việc tại công ty cổ phần. Giá bán cổ phần bằng giá bán thỏa thuận thành công thấp nhất cho nhà đầu tư chiến lược.

4) Bán cổ phần đấu giá công khai ra công chúng: Giá khởi điểm bán đấu giá là **10.000 đồng/01 cổ phần (mười nghìn đồng)**. Bán cổ phần thông qua tổ chức tài chính trung gian (Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội)

8. **Xử lý cổ phần không bán hết:** Công ty sẽ báo cáo UBND tỉnh Bắc Ninh điều chỉnh giảm vốn điều lệ, cơ cấu cổ phần của công ty cổ phần.

9. Nhà đầu tư chiến lược đề xuất:

9.1. Có 01 Nhà đầu tư chiến lược là tổ chức:

- Tên doanh nghiệp: Công ty Long Phương (TNHH)
- Địa chỉ công ty: Khu công nghiệp Hạp Lĩnh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300224741, do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 09/04/2002; cấp thay đổi lần thứ 11, ngày 24/6/2014.
- Số lượng cổ phần đăng ký mua: 13.155.914 cổ phần, giá trị 131.559.140.000 đồng (một trăm ba một tỷ, năm trăm năm chín triệu, một trăm bốn mươi nghìn đồng), chiếm 35% vốn Điều lệ.

9.2. Có 01 Nhà đầu tư chiến lược là cá nhân:

- Tên nhà đầu tư: Vũ Hữu Tân
- Địa chỉ thường trú: số nhà 211, đường Nguyễn Gia Thiều, phường Tiên An, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
- Số chứng minh nhân dân: 125150430 Cấp ngày 26/07/2001, nơi cấp CA Bắc Ninh
- Chức vụ: Chủ tịch kiêm Giám đốc
- Nơi công tác: Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước Bắc Ninh
- Số lượng cổ phần đăng ký mua: 2.699.233 cổ phần, giá trị 26.992.330.000 đồng (hai mươi sáu tỷ chín trăm chín hai triệu, ba trăm ba mươi nghìn đồng), chiếm 7,18% vốn điều lệ.

10. Phương án sắp xếp lại lao động:

- Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp: 348 người.

Trong đó:

a) Số lao động đang làm việc: 334 người.

b) Số lao động đang nghỉ việc hưởng chế độ bảo hiểm xã hội: 0 người.

c) Số lao động đang nghỉ việc không hưởng lương, không tham gia bảo hiểm xã hội: 14 người.

- Phương án sử dụng lao động

+ Số lao động tiếp tục sử dụng tại công ty sau khi sắp xếp lại: 322 người, trong đó nữ: 122 người.

Trong đó:

a) Số lao động tiếp tục sử dụng: 322 người.

b) Số lao động chấm dứt hợp đồng lao động: 14 người.

c) Số lao động sau thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp chuyển công tác sang đơn vị khác: 03 người.

d) Số lao động sau thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp đủ tuổi nghỉ hưu theo chế độ BHXH: 03 người.

đ) Số lao động sau thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp bị chết, hưởng theo chế độ BHXH: 01 người.

e) Số lao động dôi dư đủ điều kiện nghỉ việc: 05 người, trong đó:

- Số lao động được tuyển dụng lần cuối cùng trước ngày 21 tháng 4 năm 1998 không bố trí được việc làm và phải chấm dứt hợp đồng lao động: 01 người, trong đó nữ: 0 người.

- Số lao động được tuyển dụng lần cuối cùng từ ngày 21 tháng 4 năm 1998 trở về sau, không bố trí được việc làm và phải chấm dứt hợp đồng lao động: 4 người, trong đó nữ: 03 người

Chi phí cổ phần hóa: 500 triệu đồng (*năm trăm triệu đồng*).

11. Phương án hoạt động sản xuất kinh doanh:

a. Cơ cấu tổ chức của công ty cổ phần:

Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, dưới sự quản trị, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

Bộ máy tổ chức dự kiến gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Chủ tịch hội đồng quản trị, Ban kiểm toán nội bộ, Ban giám đốc và các phòng ban đơn vị trực thuộc.

b. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 3-5 năm tiếp theo:

Kế hoạch sản xuất kinh doanh 3-5 năm tiếp theo sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Với những điều kiện thuận lợi hiện có của doanh nghiệp, công ty dự kiến về các mục tiêu sản xuất kinh doanh trong 3-5 năm tiếp theo như sau:

❖ Định hướng phát triển của Công ty

Sau khi hoàn thành cổ phần hóa, Công ty xác định tập trung tối đa nguồn lực cho ngành nghề chính là sản xuất và cung cấp nước sạch, cụ thể:

❖ Tập trung đầu tư cho phát triển nguồn

Nâng công suất khai thác và sử lý nước cấp tại các Nhà máy cấp nước để chủ động đáp ứng nhu cầu dùng nước tăng thêm của khách hàng hiện có, đồng thời cấp nguồn nước cho các khách hàng tại các khu vực mới.

❖ Tập trung đầu tư phát triển mạng

Mở rộng phạm vi bao phủ của hệ thống cấp nước công ty đang quản lý (mạng lưới đường ống cấp nước truyền tải, phân phối, dịch vụ), phù hợp với quy hoạch cấp nước của tỉnh Bắc Ninh.

❖ Tăng tỷ lệ nước thu được tiền

Đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và cấp nước thì chỉ tiêu tỷ lệ nước thu được tiền là vô cùng quan trọng (tỷ lệ lượng nước thu được tiền trên lượng nước bơm vào hệ thống càng cao thì hiệu quả SXKD càng cao, giảm tối đa lượng nước bơm ra mạng bị thất thoát hao hụt).

❖ Nâng cao năng lực thiết kế, thi công xây lắp chuyên ngành

Song song với lĩnh vực sản xuất cấp nước nêu trên (là lĩnh vực chiến lược mũi nhọn) Công ty cũng tiếp tục tăng cường năng lực, phát triển mở rộng thị phần trong lĩnh vực thiết kế, thi công các công trình cấp nước, tăng doanh thu trong lĩnh vực thiết kế, thi công xây dựng công trình.

❖ Kế hoạch đầu tư sau cổ phần hóa

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa và nhu cầu thị trường trong những năm tới, Công ty xây dựng kế hoạch đầu tư sau cổ phần hóa như sau:

(Đơn vị: Triệu đồng)

TT	Nội dung	Giá trị đầu tư	Thời gian đầu tư	Nguồn vốn	Ghi chú
1	Thay đổi nguồn nước thô Nhà máy nước thị trấn Thừa - Lương Tài, Nâng công suất nhà máy từ 2.500m ³ /ngđ lên 10.000 m ³ /ngđ	44.230	2016+2020	Vốn của Doanh nghiệp + các nguồn vốn khác	
2	Đầu tư xây dựng khu trụ sở và dịch vụ Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước Bắc Ninh	35.500	2016+2020	Vốn của Doanh nghiệp + các nguồn vốn khác	
3	Đầu tư nâng cấp, mở rộng mạng lưới cấp nước tỉnh Bắc Ninh, nâng cao chất lượng nước	110.270	2016+2020	Vốn của Doanh nghiệp + các nguồn vốn khác	
	Tổng cộng	190.000			

12. Phương án sử dụng đất:

Công ty cổ phần tiếp tục thuê, sử dụng 74.887,2 m² đất được Nhà nước giao tại 13 vị trí kèm theo Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 05/02/2016 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt phương án sử dụng đất của Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Bắc Ninh khi cổ phần hóa; Văn bản 518/UBND-TNMT ngày 15/03/2016 v/v đình chính Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 05/02/2016

Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Bắc Ninh kính trình Ban Đổi mới và Phát triển Doanh nghiệp Tỉnh thẩm định, trình UBND tỉnh Phê duyệt lựa chọn Nhà đầu tư chiến lược và Phương án cổ phần hóa Công ty để đơn vị có cơ sở thực hiện các bước tiếp theo.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Thành viên BCĐ CPH Công ty;
- Lưu VT.

**TM. CÔNG TY
CHỦ TỊCH KIỂM GIÁM ĐỐC**



Vũ Hữu Tân

Tài liệu gửi kèm:

- Phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Bắc Ninh
- Hồ sơ Nhà đầu tư chiến lược là tổ chức
- Hồ sơ Nhà đầu tư chiến lược là cá nhân
- Phương án sử dụng lao động

MỤC LỤC

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU	3
CÁC CĂN CỨ LẬP PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA	5
PHẦN I:.....	6
THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP	6
I. TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP.....	6
1. Các thông tin chung về doanh nghiệp.....	6
1.2. Ngành nghề kinh doanh.....	7
2. Quá trình hình thành và phát triển:.....	7
2.1. Văn bản thành lập:.....	7
2.2. Quá trình phát triển của Công ty:	7
3. Cơ cấu tổ chức và quản lý.....	8
4. Tình hình hoạt động và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 03 năm trước khi cổ phần hóa.....	17
6. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.....	26
7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	26
II. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP.....	28
1. Thực trạng về tài sản cố định	28
2. Thực trạng về tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn tại thời điểm 31/10/2015:	31
3. Thực trạng nguồn vốn tại thời điểm 31/10/2015:	32
4. Thực trạng về tình hình công nợ tại thời điểm 31/10/2015:	32
5. Tổng diện tích đất đai doanh nghiệp đang sử dụng	33
6. Thực trạng về tài chính, công nợ.....	34
7. Thực trạng về lao động.....	35
III. KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP	36
PHẦN II.	37
PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA.....	37
1. Căn cứ pháp lý để xây dựng phương án cổ phần hóa	37
2. Mục tiêu cổ phần hóa	38
3. Điều kiện thuận lợi để cổ phần hóa	38
4. Hình thức cổ phần hóa.....	39
5. Tên công ty cổ phần	39
6. Ngành nghề kinh doanh dự kiến.....	39
7. Cơ cấu tổ chức	39
8. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ.....	42
9. Phương thức phát hành cổ phần	42
9.1. Phương án chào bán cổ phần.....	42

9.2. Cổ phần Nhà nước nắm giữ	43
9.3. Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động	43
9.4. Cổ phần bán cho Công đoàn	44
9.5. Bán đấu giá cổ phần lần đầu (IPO).....	45
9.6. Bán cho Nhà đầu tư chiến lược	45
10. Dự kiến chi phí cổ phần hóa	48
11. Kế hoạch sử dụng tiền thu được việc bán cổ phần.....	48
PHẦN III.....	50
PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LẠI LAO ĐỘNG	50
1. Kế hoạch sắp xếp lại lao động.....	50
2. Kế hoạch tuyển dụng	52
PHẦN IV.....	52
PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT ĐÃ ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT	52
PHẦN V.....	53
PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	53
03 NĂM SAU CỔ PHẦN HÓA	53
1. Cơ hội thách thức.....	53
2. Định hướng phát triển của Công ty.....	54
3. Kế hoạch đầu tư sau cổ phần hóa	54
4. Kế hoạch kinh doanh 03 năm sau cổ phần hóa.....	55
5. Các giải pháp thực hiện:.....	55
❖ Lý do, lợi ích của việc đăng ký giao dịch:	57
❖ Kế hoạch đăng ký giao dịch	57
PHẦN VI.....	58
RỦI RO DỰ KIẾN	58
1. Rủi ro kinh tế	58
2. Rủi ro luật pháp.....	58
3. Rủi ro đặc thù.....	58
4. Rủi ro của đợt chào bán	59
5. Rủi ro khác.....	59
PHẦN VII.....	59
KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ	59
PHẦN VIII.....	60
TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT.....	60

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU

Bảng 1: Cơ cấu Doanh thu thuần trước cổ phần hóa	18
Bảng 2: Cơ cấu lợi nhuận trước cổ phần hóa	18
Bảng 3: Tỷ trọng các loại chi phí của Công ty so với doanh thu thuần	19
Bảng 4: Các hợp đồng lớn đang được ký kết	22
Bảng 5: Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh các năm trước cổ phần hóa	24
Bảng 6: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu trước khi cổ phần	24
Bảng 7: Tình hình tài sản cố định của Công ty theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (31/10/2015)	28
Bảng 8: Thực trạng tài sản phương tiện vận tải tại thời điểm 31/10/2015	29
Bảng 9: Thực trạng nhà cửa, vật kiến trúc tại thời điểm 31/10/2015	30
Bảng 10: Thực trạng về tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn tại thời điểm 31/10/2015	31
Bảng 11: Thực trạng nguồn vốn tại thời điểm 31/10/2015	32
Bảng 12: Thực trạng về công nợ của Công ty theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm 31/12/2015	32
Bảng 13: Tình hình sử dụng đất tính đến 31/10/2015	33
Bảng 14: Thực trạng về tài chính, công nợ của Công ty theo số liệu sổ sách Kế toán tại thời điểm 31/12/2015	34
Bảng 15: Cơ cấu lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	35
Bảng 16: Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/10/2015	36
Bảng 17: Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến	42
Bảng 18: Chi phí cổ phần hóa dự kiến	48
Bảng 19: Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ việc bán cổ phần	48
Bảng 20: Phương án sắp xếp lao động sau cổ phần hóa	50
Bảng 21: Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang Công ty cổ phần	51
Bảng 22: Phương án xử dụng đất sau cổ phần hóa	52
Bảng 23: Kế hoạch đầu tư 03 năm sau cổ phần hóa	54
Bảng 24: Kế hoạch kinh doanh 03 năm sau cổ phần hóa	55
Bảng 25: Kế hoạch thực hiện phương án	60
Sơ đồ 1: Mô hình cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty trước cổ phần hóa.....	8
Sơ đồ 2: Cơ cấu tổ chức của Công ty sau cổ phần hóa.....	39

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Tên viết tắt	: Tên đầy đủ
Công ty	: Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh
Công ty TNHH MTV	: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
HĐLĐ	: Hợp đồng lao động
BHXH	: Bảo hiểm xã hội
QĐ	: Quyết định
KH-KT	: Kế hoạch – Kỹ thuật
TCHC	: Tổ chức hành chính
KSCLN	: Kiểm soát chất lượng nước
HS&QLTS	: Hồ sơ và Quản lý Tài sản
CN TPBN	: Cấp nước Thành phố Bắc Ninh
CN Thừa	: Cấp nước Thừa
CN GB	: Cấp nước Gia Bình
CN TT Chờ	: Cấp nước Thị trấn Chờ
QL KH	: Quản lý Khách hàng
CTN	: Cấp thoát nước
HTKT BN	: Hạ tầng kỹ thuật Bắc Ninh
ĐT và XD	: Đầu tư và Xây dựng
TT & KTNB	: Thanh tra và Kiểm toán nội bộ
QLDA	: Quản lý dự án

CÁC CĂN CỨ LẬP PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 116/2015/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành Công ty cổ phần;
- Thông tư số 127/2008/NĐ-CP ngày 12/12/2008 của Bộ Tài Chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/11/2012 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ V/v chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Quyết định 420/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh ngày 26/09/2014 về việc cổ phần hóa đối với Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh;
- Quyết định 507/QĐ-CTN của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh ngày 26/11/2014 về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp;
- Quyết định số 509/QĐ-CTN của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh ngày 26/11/2014 về việc thành lập các Tổ giúp việc thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp;
- Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 03/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thoát nước và xử lý nước thải Bắc Ninh và Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh;
- Quyết định 586/QĐ-CTN của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh ngày 09/12/2015 về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp (kiện toàn lại);
- Quyết định số 587/QĐ-CTN của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh ngày 09/12/2015 về việc thành lập các Tổ giúp việc thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp (kiện toàn lại);
- Quyết định số 700/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh ngày 20/06/2016 về việc xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh để cổ phần hóa

- Căn cứ Quyết định số 924/QĐ-UBND ngày 28/7/2016 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt tiêu chí, trình tự lựa chọn, phương thức bán cổ phần lần đầu cho Nhà đầu tư chiến lược trong quá trình cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Bắc Ninh.

- Căn cứ vào Quyết định 1192/QĐ-UBND ngày 16/10/2015 của UBND tỉnh Bắc Ninh v/v bổ nhiệm ông Vũ Hữu Tân, giữ chức vụ Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước Bắc Ninh

PHẦN I:

THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

I. TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Các thông tin chung về doanh nghiệp

1.1. Các thông tin chung

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt : **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP THOÁT NƯỚC BẮC NINH**
- Tên tiếng Anh : **BAC NINH WATER SUPPLY AND SEWERAGE COMPANY LIMITED**
- Trụ sở chính : Số 57 đường Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
- Điện thoại : 0241. 3824369
- Fax : 0241. 3822708
- Email : bn-wssc@hn.vnn.vn
- Vốn điều lệ : 107.184.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm linh bảy tỷ một trăm tám mươi tư triệu đồng*) theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300108311 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 29/12/2006 và cấp thay đổi lần 02 ngày 20/04/2009.
- Email : bn-wssc@hn.vnn.vn
- Quyết định thành lập : *số 12/UB ngày 17 tháng 01 năm 1997 của UBND tỉnh Bắc Ninh*
- Người đại diện : *Ông Vũ Hữu Tân*
- Chủ sở hữu : *UBND tỉnh Bắc Ninh*
- Địa chỉ chủ sở hữu : *Số 10, đường Phù Đổng Thiên Vương, tp Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh*

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300108311 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 29/12/2006 và cấp thay đổi lần 02 ngày 20/04/2009. Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh đang kinh doanh những ngành nghề sau:

- Sản xuất kinh doanh nước sạch;
- Xây dựng các công trình cấp thoát nước;
- Xây lắp hệ thống điện cao hạ thế đến 35KV;
- Xây dựng nhà dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng các công trình hạ tầng đô thị;
- Xây dựng kênh mương, trạm bơm, đường giao thông nông thôn;
- Xây dựng đường nông thôn nội tỉnh;
- Kinh doanh vật tư thiết bị ngành cấp thoát nước;
- Kinh doanh bất động sản;
- Quản lý, vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị và khu công nghiệp;
- Thiết kế các công trình cấp thoát nước có lưu lượng < 15.000 m³/ngày đêm;
- Thiết kế kết cấu các công trình: thủy nông đến cấp III; đê kè đến cấp II; hồ chứa và đập đến cấp IV;
- Thiết kế kết cấu các công trình dân dụng và công nghiệp đến cấp III;
- Xây lắp các công trình thủy lợi, giao thông;
- Thi công các công trình phòng chống cháy nổ;
- Thi công các công trình đường sông.

2. Quá trình hình thành và phát triển:

2.1. Văn bản thành lập:

- Quyết định số 12/UB ngày 17 tháng 01 năm 1997 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc thành lập Công ty Cấp thoát nước Bắc Ninh
- Quyết định số 1063/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2007 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc Công ty được chuyển thành Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh theo.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh số 2300108311 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 29/12/2006 và cấp thay đổi lần 02 ngày 20/04/2009.

2.2. Quá trình phát triển của Công ty:

Công ty Cấp thoát nước Bắc Ninh được thành lập theo quyết định số 12/UB ngày 17 tháng 01 năm 1997 của UBND tỉnh Bắc Ninh.

Ngày 11 tháng 12 năm 2006 Công ty được chuyển thành Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh theo quyết định số 1063/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2007 của UBND tỉnh Bắc Ninh.

Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300108311 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 29/12/2006 và cấp thay đổi lần 02 ngày 20/04/2009.

3. Cơ cấu tổ chức và quản lý

3.1. Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty hiện nay theo mô hình Công ty TNHH một thành viên gồm có:

- Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty do UBND Tỉnh bổ nhiệm có thời hạn.
- Phó Giám đốc Công ty bao gồm 2 người được bổ nhiệm có thời hạn; giúp Giám đốc Công ty điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Giám đốc về nhiệm vụ được Giám đốc phân công và ủy quyền.

- Các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ có chức năng tham mưu, giúp Chủ tịch kiêm Giám đốc trong quản lý điều hành công việc, nhằm đảm bảo cho việc quản lý tổ chức, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có có hiệu quả và đúng pháp luật. Bao gồm:

- + 08 phòng trực thuộc: Phòng Tổ chức - Hành chính; Phòng Tài vụ; Phòng thanh tra và kiểm toán nội bộ; Phòng kiểm soát chất lượng nước; Phòng Quản lý mạng; Phòng quản lý khách hàng.

- + 06 đơn vị sản xuất kinh doanh trực thuộc: Xưởng cơ điện, Nhà máy cấp nước thành phố Bắc Ninh, Nhà máy cấp nước Phố Mới, Nhà máy cấp nước Thửa, Nhà máy cấp nước Gia Bình, Nhà máy cấp nước thị trấn Chờ.

Tổ chức Đảng, đoàn thể:

- Tổ chức Đảng: Chi bộ Công ty cấp thoát nước Bắc Ninh được thành lập vào năm 1997; đến tháng 8/2006 thành lập Đảng bộ Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước Bắc Ninh, hiện nay Đảng bộ trực thuộc Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh Bắc Ninh, hiện nay gồm 49 đảng viên.

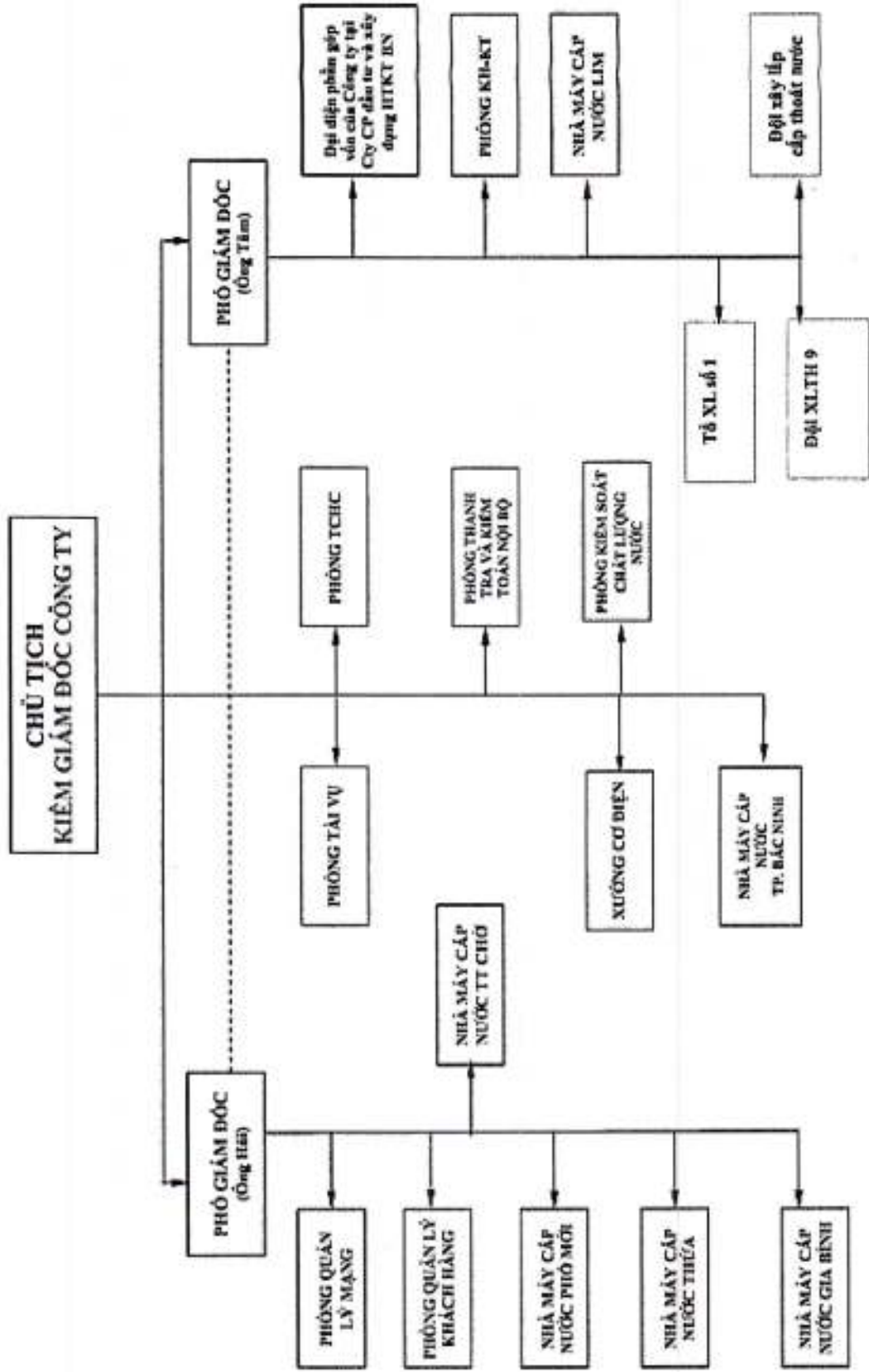
- Công đoàn Công ty được thành lập ngày 25/07/1997 trực thuộc Công đoàn Ngành Xây dựng Bắc Ninh gồm: 7 công đoàn bộ phận trực thuộc, hơn 300 đoàn viên.

- Đoàn thanh niên Công ty được thành lập ngày 05/09/1997 gồm 70 đoàn viên thanh niên, hiện nay Chi đoàn trực thuộc Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Khối Doanh nghiệp tỉnh Bắc Ninh.

- Hội Cựu chiến binh Công ty được thành lập ngày 02/11/2010 gồm 18 hội viên trực thuộc Hội Cựu chiến binh khối Doanh nghiệp tỉnh Bắc Ninh.

Sơ đồ 1: Mô hình cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty trước cổ phần hóa

MÔ HÌNH CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP THOÁT NƯỚC BẮC NINH



3.2. Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận trong công ty

❖ Chủ tịch công ty:

Chủ tịch công ty là đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại công ty, có các quyền, trách nhiệm sau đây:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm của công ty sau khi đề nghị và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển hằng năm của công ty và gửi quyết định đến Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh để tổng hợp, giám sát.
- Đề nghị cấp có thẩm quyền việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật đối với Chủ tịch công ty, Giám đốc công ty.
- Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật Phó giám đốc, Kế toán trưởng công ty.
- Đề nghị cấp có thẩm quyền điều chỉnh vốn điều lệ; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản công ty.
- Quyết định việc góp vốn, nắm giữ, tăng, giảm vốn của công ty tại các doanh nghiệp khác; việc tiếp nhận công ty con, công ty liên kết, sau khi đề nghị và được Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh phê duyệt chủ trương.
- Cử người đại diện phần vốn góp của công ty tại doanh nghiệp khác; giao nhiệm vụ cho Người đại diện phần vốn góp của công ty quyết định các nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 20, Khoản 4 Điều 29 Nghị định 99/2012/ND-CP.
- Quyết định hoặc ủy quyền Giám đốc quyết định dự án đầu tư, hợp đồng vay, cho vay, mua, bán tài sản trong phạm vi thẩm quyền được quy định tại Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật.
- Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh phê duyệt chủ trương vay nợ nước ngoài.
- Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác sau khi đề nghị và được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương.
- Quy định các quy chế quản lý nội bộ của công ty. Phê duyệt báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ sau khi được cấp có thẩm quyền chấp thuận.
- Quyết định lương đối với các chức danh do Chủ tịch công ty bổ nhiệm.
- Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ của công ty; các dự án đầu tư, hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty
- Quyền, trách nhiệm của Chủ tịch công ty đối với công ty con 100% vốn nhà nước:
 - Quyết định thành lập, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Phê duyệt Điều lệ, sửa đổi và bổ sung Điều lệ;
- Quyết định vốn điều lệ khi thành lập và điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động của công ty;
- Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), Kiểm soát viên;
- Phê duyệt chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm;
- Phê duyệt chủ trương vay, cho vay, mua, bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn điều lệ của công ty.
- Phê duyệt báo cáo tài chính hằng năm, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.
- Thực hiện sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án tổng thể.
- Chịu trách nhiệm quản lý và điều hành doanh nghiệp tuân thủ đúng quy định của pháp luật và các quyết định của chủ sở hữu; quản lý sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn có hiệu quả; báo cáo kịp thời cho chủ sở hữu về việc doanh nghiệp hoạt động thua lỗ, không bảo đảm khả năng thanh toán, không hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ do chủ sở hữu giao hoặc những trường hợp sai phạm khác.

❖ **Giám đốc công ty:**

Giám đốc được bổ nhiệm với nhiệm kỳ không quá năm năm để điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Pháp luật và Chủ tịch công ty về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.

Giám đốc có quyền sau đây:

- Tổ chức thực hiện quyết định của Chủ tịch công ty;
- Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- Ban hành quy chế quản lý nội bộ Công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm cách chức các chức danh quản lý trong Công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty
- Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức Công ty;
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Chủ tịch Công ty;
- Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Tuyển dụng lao động;
- Các quyền khác được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Quy chế của Công ty;

❖ **Các Phó Giám đốc:**

Phó Giám đốc là người giúp và tham mưu cho Giám đốc trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được Giám đốc phân công.

❖ **Phòng kế hoạch – Kỹ thuật:**

- Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các công tác liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

- Kiểm tra và hoàn tất các thủ tục về đầu tư XDCB đối với các dự án của Công ty, tham mưu cho Ban Lãnh đạo Công ty về hình thức tổ chức quản lý thực hiện dự án đầu tư theo quy định của nhà nước và pháp luật

- Tổ chức kiểm tra chất lượng hồ sơ và chất lượng thi công xây lắp các công trình do Công ty thi công hoặc làm chủ đầu tư; hướng dẫn các đơn vị trực thuộc công ty về trình tự thủ tục trong đầu tư xây dựng cơ bản.

- Tham mưu cho lãnh đạo trong việc tổ chức thành lập Ban QLDA, xây dựng quy chế hoạt động của Ban QLDA trình lãnh đạo Công ty duyệt

- Lập kế hoạch và kiểm soát thủ tục hồ sơ về đấu thầu, lựa chọn nhà thầu do cả Công ty mẹ và Công ty con thực hiện

- Kiểm soát việc thực hiện các hợp đồng xây lắp, tư vấn có liên quan của Công ty:

- Là đầu mối thực hiện công tác quản lý hợp đồng kinh tế, quản lý và lưu trữ các Hồ sơ của hợp đồng kinh tế có liên quan.

- Tổ chức và kiểm soát thiết kế, lập dự toán chi tiết, lập tổng dự toán các dự án, công trình do công ty đầu tư

- Theo dõi, kiểm tra các hoạt động thi công xây lắp trên công trường, xem xét hỗ trợ về kỹ thuật và hồ sơ thủ tục nhằm đảm bảo chất lượng và tiến độ công trình

- Báo cáo tình hình thực hiện các mục tiêu tiến độ thi công, phân tích đánh giá để tham mưu giúp Giám đốc Công ty trong công tác chỉ đạo, điều hành sản xuất, nhân lực, thiết bị xe máy và các phương tiện thi công khác phục vụ cho việc đảm bảo các mục tiêu tiến độ thi công đề ra

- Tham mưu giúp việc cho lãnh đạo quản lý và kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện đúng quy trình kỹ thuật, thiết kế, các tiêu chuẩn, quy phạm xây dựng hiện hành và các điều khoản đã ký kết với đối tác

- Thực hiện các nhiệm vụ khác về lĩnh vực kế hoạch - kỹ thuật theo sự phân công của lãnh đạo Công ty.

❖ **Phòng Tổ chức hành chính**

- Tham mưu giúp việc cho Ban Giám đốc về các lĩnh vực tổng hợp, điều phối hoạt động toàn bộ lĩnh vực công tác tổ chức, hành chính của cơ quan, đơn vị theo chương trình kế hoạch công tác của Công ty, thực hiện công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ, hành chính, tiền lương, quản trị, văn thư, lưu trữ, bảo vệ.

- Làm đầu mối, chủ trì việc đề xuất các phương án quy hoạch, xây dựng, kiện toàn và phát triển bộ máy, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, tổ chức trong Công ty. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị tổ chức triển khai thực hiện công tác xây dựng đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ cán bộ.

- Tham mưu đề Giám đốc quyết định về các tiêu chí, tiêu chuẩn và triển khai thực hiện quy trình đánh giá cán bộ hằng năm; tổ chức và quản lý công tác thi đua khen thưởng trong Công ty. Chủ trì việc tổ chức đánh giá, xét duyệt nâng bậc lương, phụ cấp, xét đề nghị kéo dài thời gian công tác đối với cán bộ theo quy định trình Giám đốc quyết định.

- Quản lý, điều hành phương tiện giao thông vận tải của Công ty phục vụ các chuyến đi công tác của Lãnh đạo, các đơn vị theo quy định của Công ty.

- Theo dõi tổng hợp và tham mưu đề xuất các khóa đào tạo cho CBCNV; làm đầu mối việc kiểm tra chuyên môn định kỳ và đột xuất của Công ty.

- Thực hiện các công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ trong toàn Công ty

❖ **Phòng Tài vụ:**

- Tổ chức công tác kế toán để quản lý và sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại Công ty theo qui định của Nhà nước. Chỉ đạo nghiệp vụ, kiểm tra giám sát tình hình quản lý và sử dụng vốn, tài sản tại các đơn vị trực thuộc;

- Tham mưu cho giám đốc các vấn đề về tài chính của công ty.

- Đề xuất phương án sử dụng vốn có hiệu quả.

- Thực hiện việc thu chi và phát hành hoá đơn tài chính theo quy định.

- Mở sổ sách kế toán và hạch toán theo quy định của Nhà nước.

- Hướng dẫn và lưu các hồ sơ kế toán của tổ đội cũng như của Công ty.

- Tham gia nghiệm thu nội bộ các hạng mục công trình của Công ty.

- Quản lý tài sản, kho, quỹ của Công ty.

- Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ kế toán, tài khoản kế toán và sổ sách kế toán thực hiện việc ghi chép, theo dõi đầy đủ, chính xác toàn bộ tài sản, tiền vốn Công ty đang quản lý và sử dụng theo đúng quy định chế độ kế toán hiện hành. Quản lý, lưu trữ, sử dụng, cung cấp thông tin, tài liệu kế toán theo quy định của pháp luật;

- Chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ và kiểm tra, giám sát tình hình thu chi tài chính, công nợ, quản lý và sử dụng tài sản, vật tư, nguồn vốn của các đơn vị, phòng ban trực thuộc Công ty;

- Thực hiện và đánh giá việc thực hiện kế hoạch tài chính; Tham gia giám sát, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn đầu tư của Công ty;

❖ **Phòng Kiểm soát chất lượng nước:**

- Kiểm soát chất lượng nước của các nhà máy cấp nước thuộc công ty bao gồm nhà máy nước Bắc Ninh, nhà máy nước Chờ, nhà máy nước Phố Mới, Thừa, Gia Bình và nhà máy nước Lim



- Kiểm tra chất lượng nước từ nguồn đầu vào, sự biến đổi chất lượng tại các khâu của dây chuyền xử lý và chất lượng nước sau xử lý

- Đối chiếu các chỉ số đầu ra đầu vào của dây chuyền xử lý nước với các tiêu chuẩn hiện hành phục vụ công tác ra các quyết định liên quan đến vận hành các dây truyền xử lý cũng như thông tin đối ngoại

- Kiểm soát chất lượng nước của các nhà máy cổ phần cấp nước vào hệ thống phân phối nước của công ty

- Tham mưu với lãnh đạo công ty và các nhà máy trong việc định lượng hóa chất sử dụng cho sản xuất

- Tham mưu và đề xuất phương án giải quyết sự cố các nhà máy khi xảy ra về vấn đề chất lượng nước cấp cho sinh hoạt, nước thải sau xử lý

- Quản lý và thực hiện các thủ tục về môi trường, quản lý xả thải các Nhà máy nước. Theo dõi và thực hiện các thủ tục xin cấp các giấy phép môi trường của các nhà máy nước thuộc Công ty.

- Phối hợp với TT Y tế dự phòng Bắc Ninh kiểm tra mẫu nước tại Nhà máy và dưới mạng phân phối.

- Thực hiện các công việc khác thuộc chức năng nhiệm vụ của Phòng hoặc các công tác khác do Chủ tịch, Ban Giám đốc trực tiếp phân công.

❖ **Phòng thanh tra và Kiểm toán nội bộ**

- Tham mưu cho Ban Lãnh đạo tổ chức kiểm toán nội bộ nhằm đánh giá về chất lượng và độ tin cậy của thông tin kinh tế, tài chính; về bảo vệ an toàn tài sản của doanh nghiệp; về chấp hành luật pháp, chính sách, chế độ của Nhà nước, cũng như các nghị quyết, quyết định của công ty

- Kiểm tra lĩnh vực hoạt động sản xuất của công ty

- Kiểm tra công tác thi công, quản lý duy tu bảo dưỡng hệ thống cấp nước thuộc phạm vi Công ty quản lý. Giúp lãnh đạo phát hiện và ngăn chặn kịp thời các tổ chức, cá nhân thi công xây dựng làm tổn hại đến hệ thống cấp và thoát nước. Phát hiện sai sót của các cá nhân, tổ, đội của Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao (Sai sót trong thi công xây dựng, duy tu bảo dưỡng, quản lý vận hành mạng lưới cấp nước, ghi thu tiền nước...).

- Kiểm tra lĩnh vực hoạt động tài chính, tuân thủ các chính sách, chế độ tài chính kế toán, quy định nội bộ, quy trình hoạt động của công ty

❖ **Phòng Quản lý mạng lưới đường ống cấp nước (Gọi tắt: Phòng Quản lý mạng)**

- Quản lý vận hành hệ thống cấp nước thuộc phạm vi công ty trên toàn thành phố Bắc Ninh

- Chống thất thoát nước làm giảm tỷ lệ thất thoát nước.

- Sửa chữa, bảo dưỡng đường ống cấp nước và các thiết bị trên mạng đến cụm đồng hồ của khách hàng, bảo dưỡng sửa chữa đồng hồ đo nước.

- Kiểm tra hệ thống cấp nước hàng ngày, cập nhật các thông tin liên quan đến hệ thống cấp nước.

- Lập phương án và thực hiện việc phân vùng tách mạng, lắp đặt đồng hồ tổng, theo dõi đánh giá thất thoát lập biện pháp khắc phục.

- Xử lý khắc phục kịp thời các sự cố, các đề nghị của khách hàng liên quan đến hệ thống cấp nước.

- Kiểm tra phát hiện đề xuất xử lý các vi phạm hệ thống cấp nước và sử dụng nước máy tại các đô thị tỉnh Bắc Ninh, các vi phạm nghị định 117/NĐ-CP về sản xuất cung cấp và tiêu thụ nước sạch, các vi phạm hợp đồng cung cấp và sử dụng nước sạch.

- Sửa chữa bảo dưỡng hệ thống mạng cấp nước

- Vận hành mạng lưới điều phối lưu lượng và áp lực giữa các khu vực đảm bảo yêu cầu cấp nước cho khách hàng.

❖ Phòng quản lý khách hàng

- Quản lý, hướng dẫn và phát triển khách hàng trên địa bàn thị xã Bắc Ninh và các vùng lân cận tuân theo QĐ số 118/2001/QĐ - UB ngày 6/12/2001 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc quản lý hệ thống cấp nước và sử dụng nước máy tại các đô thị tỉnh Bắc Ninh, các qui chế, quy định của Công ty và pháp luật nhà nước.

- Đọc, thu tiền, quản lý và chăm sóc khách hàng sử dụng dịch vụ cấp nước và thoát nước trên địa bàn thành phố Bắc Ninh do Công ty cung cấp

- Tiếp nhận thông tin khách hàng, trả lời và giải quyết kiến nghị của khách hàng, chống thất thu tiền nước đảm bảo doanh thu cho Công ty

- Lập và trình Lãnh đạo Công ty ký đơn xin lắp nước; hợp đồng, tạm ngừng hợp đồng và thanh lý hợp đồng cung cấp sử dụng nước sạch.

- Phối hợp tốt các cộng tác viên Phường xã để thực hiện chức năng nhiệm vụ của phòng, Công ty.

- Thông tin, tuyên truyền và chăm sóc khách hàng để nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp sử dụng nước sạch.

- Sửa chữa bảo dưỡng từ đai (tê) khởi thủy đến van một chiều sau đồng hồ của khách hàng.

- Bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm tra và thay thế đồng hồ đo nước thuộc phạm vi công ty quản lý.

❖ Xưởng cơ điện

- Xưởng cơ điện có chức năng quản lý điều hành và đảm bảo hoạt động của các thiết bị cơ điện trong phạm vi toàn Công ty.

- Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên tại tất cả các giếng, các trạm biến áp và toàn bộ tuyến ống nước thô

- Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa các thiết bị cơ điện trong phạm vi toàn Công ty theo yêu cầu kỹ thuật của nhà sản xuất và thực tế sử

dụng, trước tiên phục vụ Nhà máy nước Bắc Ninh, tiếp theo là các Nhà máy cấp nước khác

- Xây dựng và lưu giữ Hồ sơ kỹ thuật của các thiết bị cơ điện, lập Lý lịch theo dõi quá trình bảo dưỡng sửa chữa của mỗi thiết bị

- Thiết kế, gia công và lắp đặt các chi tiết, cụm chi tiết, kết cấu, ... theo yêu cầu của các Nhà máy trong Công ty hoặc của Khách hàng bên ngoài Công ty

- Nghiên cứu và đề xuất với Lãnh đạo công ty cải tiến các thiết bị cơ điện hiện có theo hướng tăng hiệu quả sử dụng, giảm tiêu hao nguyên, nhiên liệu và kéo dài tuổi thọ thiết bị

- Định kỳ kiểm tra thông số hoạt động của các thiết bị, đánh giá tình trạng kỹ thuật thiết bị để lên kế hoạch, phương án bảo dưỡng sửa chữa kịp thời

❖ **Nhà máy cấp nước thành phố Bắc Ninh**

- Tổ chức khai thác và sản xuất nước theo kế hoạch công ty giao đảm bảo sản xuất 24/24h, đảm bảo chất lượng theo quy định của Bộ Y tế

- Quản lý và vận hành khu khai thác giếng khoan.

- Quản lý và vận hành các thiết bị máy móc khu xử lý.

- Quản lý và vận hành sản xuất khu giếng, tuyến ống nước thô, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị máy móc khu xử lý và khu giếng khoan.

- Giám sát chất lượng nước hằng ngày sản xuất.

❖ **Nhà máy cấp nước thị trấn Phố Mới**

- Quản lý, khai thác vận hành hệ thống cấp nước sạch để phục vụ nhu cầu của nhân dân và các cơ quan trên địa bàn thị trấn Phố Mới và các vùng phụ cận

- Đọc, thu tiền, quản lý và chăm sóc khách hàng sử dụng dịch vụ cấp nước

- Tiếp nhận thông tin khách hàng, trả lời và giải quyết kiến nghị của khách hàng, chống thất thu tiền nước đảm bảo doanh thu cho Công ty

- Thường xuyên thực hiện các công tác duy tu bảo dưỡng, bảo quản máy móc thiết bị, duy trì hoạt động của thiết bị trong trạng thái tốt nhất

❖ **Nhà máy cấp nước thị trấn Thửa**

- Quản lý, khai thác vận hành hệ thống cấp nước sạch để phục vụ nhu cầu của nhân dân và các cơ quan trên địa bàn thị trấn Thửa - Lương Tài và các vùng phụ cận

- Đọc, thu tiền, quản lý và chăm sóc khách hàng sử dụng dịch vụ cấp nước

- Tiếp nhận thông tin khách hàng, trả lời và giải quyết kiến nghị của khách hàng, chống thất thu tiền nước đảm bảo doanh thu cho Công ty

- Thường xuyên thực hiện các công tác duy tu bảo dưỡng, bảo quản máy móc thiết bị, duy trì hoạt động của thiết bị trong trạng thái tốt nhất

❖ **Nhà máy cấp nước thị trấn Gia Bình**

- Quản lý, khai thác vận hành hệ thống cấp nước sạch để phục vụ nhu cầu của nhân dân và các cơ quan trên địa bàn thị trấn Gia Bình - huyện Gia Bình và các vùng phụ cận

- Đọc, thu tiền, quản lý và chăm sóc khách hàng sử dụng dịch vụ cấp nước
- Tiếp nhận thông tin khách hàng, trả lời và giải quyết kiến nghị của khách hàng, chống thất thu tiền nước đảm bảo doanh thu cho Công ty
- Thường xuyên thực hiện các công tác duy tu bảo dưỡng, bảo quản máy móc thiết bị, duy trì hoạt động của thiết bị trong trạng thái tốt nhất

❖ **Nhà máy cấp nước thị trấn Chờ**

- Quản lý, khai thác vận hành hệ thống cấp nước sạch để phục vụ nhu cầu của nhân dân và các cơ quan trên địa bàn thị trấn Chờ - huyện Yên Phong và các vùng phụ cận
- Đọc, thu tiền, quản lý và chăm sóc khách hàng sử dụng dịch vụ cấp nước
- Tiếp nhận thông tin khách hàng, trả lời và giải quyết kiến nghị của khách hàng, chống thất thu tiền nước đảm bảo doanh thu cho Công ty
- Thường xuyên thực hiện các công tác duy tu bảo dưỡng, bảo quản máy móc thiết bị, duy trì hoạt động của thiết bị trong trạng thái tốt nhất

❖ **Các Đội, Tổ xây lắp**

- Tổ chức khảo sát, phát triển khách hàng tại các Nhà máy cấp nước
- Khảo sát thiết kế hệ thống cấp nước nhà dân, cơ quan.
- Thi công các công trình cấp thoát nước của Công ty và bên ngoài.
- Đội tổ chức thi công, thanh quyết toán vật tư, nhân công với Công ty.
- Thi công lắp đặt đường ống cấp nước cho các khách hàng dùng nước của Công ty và các tuyến ống cấp 3, các hộ nhà dân, cơ quan, tuyến ống cấp nước các khu vực trong địa bàn thành phố Bắc Ninh và toàn bộ các nhà máy cấp nước thuộc phạm vi quản lý của nhà máy.
- Đội hạch toán các chi phí của đội theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

❖ **Nhà máy cấp nước thị trấn Lim**

- Quản lý, khai thác vận hành hệ thống cấp nước sạch để phục vụ nhu cầu của nhân dân và các cơ quan trên địa bàn thị trấn Lim - huyện Tiên Du và các vùng phụ cận
- Đọc, thu tiền, quản lý và chăm sóc khách hàng sử dụng dịch vụ cấp nước
- Tiếp nhận thông tin khách hàng, trả lời và giải quyết kiến nghị của khách hàng, chống thất thu tiền nước đảm bảo doanh thu cho Công ty
- Thường xuyên thực hiện các công tác duy tu bảo dưỡng, bảo quản máy móc thiết bị, duy trì hoạt động của thiết bị trong trạng thái tốt nhất

4. Tình hình hoạt động và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 03 năm trước khi cổ phần hóa

4.1. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu:

Hiện nay Công ty chủ yếu thực hiện nhiệm vụ sản xuất và cung cấp nước sạch cho các địa bàn huyện lỵ và các vùng phụ cận thuộc tỉnh Bắc Ninh như:

- Thành phố Bắc Ninh
- Thị trấn Phố Mới, huyện Yên Phong

- Thị trấn Thừa, huyện Lương Tài
- Thị trấn Gia Bình, huyện Gia Bình
- Thị trấn Chờ, huyện Yên Phong
- Thị trấn Lim, huyện Tiên Du (Công ty CPĐT và XD hạ tầng kỹ thuật Bắc Ninh đang thuê vận hành)

4.2. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

❖ Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận trước cổ phần hóa

Bảng 1: Cơ cấu Doanh thu thuần trước cổ phần hóa

T T	Doanh thu theo các lĩnh vực	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu bán hàng	45.040	46,29%	50.894	46,92%	55.568	45,43%	66.060	57,17%
2	Doanh thu xây lắp	43.134	44,33%	44.906	41,40%	45.212	36,97%	35.723	30,92%
3	Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.128	9,38%	12.668	11,68%	21.528	17,60%	13.768	11,92%
	Doanh thu thuần	97.302	100%	108.468	100%	122.308	100%	115.551	100%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty các năm 2013, 2014 và 2015)

Bảng 2: Cơ cấu lợi nhuận trước cổ phần hóa

T T	Lợi nhuận theo các lĩnh vực	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Lợi nhuận từ hoạt động bán hàng	5.400	73,44%	8.716	68,15%	8.238	61,28%	7.912	80,98%
2	Lợi nhuận từ hoạt động xây lắp	1.855	25,23%	2.463	19,26%	456	3,39%	372	3,81%
3	Lợi nhuận cung cấp dịch vụ	98	1,33%	1.611	12,59%	4.750	35,33%	1.186	15,21%
	Lợi nhuận gộp	7.353	100%	12.790	100%	13.444	100%	9.770	100%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty các năm 2013, 2014 và 2015)

Nhận xét:

Doanh thu thuần của Công ty biến động không đều qua các năm. Cụ thể, doanh thu tăng từ 97.302 triệu đồng năm 2012 lên 108.468 triệu đồng năm 2013 tương đương 1,15%. Năm 2014 doanh thu thuần tăng 12,76% so với năm 2013 đạt 122.308 triệu đồng. Trong đó, doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng vẫn chiếm tỷ trọng phần lớn (trên 45%) trong Doanh thu thuần. Doanh thu năm 2014 đạt được mức tăng trưởng cao một phần nguyên nhân do nền kinh tế nhà nước đang đà phục hồi đồng thời công ty có kế hoạch kinh doanh tốt. Năm 2015 doanh thu đạt 115,5 tỷ đồng.

Lợi nhuận gộp của Công ty cũng tăng trưởng không đều qua các năm. Lợi nhuận tăng mạnh từ 7.353 triệu đồng năm 2012 lên 12.790 triệu đồng năm 2013 tương đương tăng 74%. Tuy nhiên, sang năm 2014 lợi nhuận chỉ tăng 5%, đạt mức 13.444 triệu, lợi nhuận năm 2015 đã giảm 9.770 triệu đồng do trong năm có biến động do chia tách công ty thành 2 đơn vị độc lập.

4.3. Nguồn cung cấp nguyên vật liệu

❖ Nguồn nguyên vật liệu:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sử dụng chủ yếu là nguồn nước khai thác tự nhiên (nước ngầm và nước mặt).

Ngoài ra hoạt động sản xuất, cung cấp nước sạch của Công ty còn sử dụng các nguồn nguyên liệu khác như điện, xăng dầu, phèn, clo và các vật liệu phụ để xử lý nước trước khi hòa vào mạng nước sạch cung cấp cho người dân.

❖ Sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu:

Nhìn chung, do các loại nguyên vật liệu phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty khá đơn giản và phổ biến nên Công ty có nhiều thuận lợi trong việc lựa chọn đơn vị cung cấp với mức giá hợp lý và nguồn cung ổn định, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty. Do đó, có thể nói Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh có nguồn cung cấp nguyên, nhiên vật liệu ổn định, giúp Công ty chủ động được trong sản xuất, đảm bảo phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty.

❖ Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Tỷ trọng giá vốn hàng bán trong cơ cấu chi phí là khá lớn chính vì vậy việc biến động giá cả nguyên vật liệu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Trong những năm qua do nền kinh tế đất nước chịu ảnh hưởng chung của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, giá cả nguyên vật liệu biến động liên tục theo giá điện, xăng dầu; giá hàng hóa dịch vụ tăng cao cũng gây ra những ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

4.4. Chi phí sản xuất

Bảng 3: Tỷ trọng các loại chi phí của Công ty so với doanh thu thuần

TT	Khoản mục	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng/D TT (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng/D TT (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng/ DTT (%)
1	Giá vốn hàng bán	89.950	90,08%	95.678	92,08%	108.865	90,51%	105.780	91,51%
2	Chi phí bán hàng	-	00%	-	00%	52	0,04%	-	00%
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.997	7,01%	7.487	7,21%	9.118	7,58%	7.913	6,85%
4	Chi phí tài chính	453	0,45%	742	0,71%	1.486	1,24%	1.497	1,29%

5	Chi phí khác	2.461	2,46%	-	00%	752	0,63%	407	0,35%
	Tổng cộng:	99.861	100%	103.907	100%	120.273	100%	115.597	100%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty các năm 2013, 2014 và 2015)

Nhận xét:

Tổng chi phí của Công ty biến động qua các năm. Cụ thể, tăng dần từ 99.861 triệu đồng năm 2012 lên 103.907 triệu đồng năm 2013 tương đương tăng 4,05%, năm 2014 tổng chi phí 120.273 triệu đồng tương đương tăng 15,75% so với năm 2013, năm 2015 tổng chi phí là 115.597 triệu đồng.

Giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng chi phí (trên 90%). Chi phí tài chính có sự tăng rất lớn vào năm 2014, đạt mức 1.486 triệu đồng (tương đương tăng 100% so với năm 2013) trong khi chi phí này năm 2013 chỉ là 742 triệu đồng và năm 2012 là 453 triệu đồng. Năm 2015 chi phí tài chính là 1.496 triệu đồng.

4.5. Trình độ công nghệ

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu là cung cấp nước sạch và xây lắp, Công ty đã chủ động áp dụng các thiết bị công nghệ tiên tiến trong công tác quản lý kỹ thuật hệ thống cấp nước. Hiện tại, Công ty đã lên kế hoạch xây dựng bản đồ mạng lưới cấp nước quản lý trên máy vi tính đồng thời áp dụng trong quản trị công ty nhằm hiện đại hóa gia tăng hiệu quả hoạt động của công ty. Ngoài ra, công ty cũng thiết lập các hệ thống thiết bị kiểm soát hoạt động mạng lưới cấp nước (DMA) nhằm quản lý đường ống, phát hiện rò rỉ, tránh thất thoát nguồn nước.

4.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Do đặc thù của hoạt động sản xuất và cung cấp nước sạch, việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới của công ty chủ yếu là đi sâu nâng cao chất lượng nước sạch cung cấp tới khách hàng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu của khách hàng cá nhân và khách hàng tổ chức.

4.7. Hệ thống quản lý chất lượng

Chất lượng nước được sản xuất tuân thủ theo quy chuẩn 01:2009/BYT. Việc kiểm soát chất lượng nước được thực hiện hàng ngày do Phòng kiểm soát chất lượng nước kiểm tra chất lượng nước tại các Nhà máy cấp nước dưới sự kiểm tra, giám sát của Trung tâm y tế dự phòng tỉnh Bắc Ninh.

Hiện tại, Công ty đã xây dựng các quy trình, quy chế quản lý, quản trị Công ty. Trong thời gian tới, khi hoàn thành quá trình cổ phần hóa, Công ty sẽ tiến hành xây dựng và áp dụng bổ sung các quy chế hoạt động công ty theo các quy định pháp luật có liên quan.

Hệ thống mạng lưới đường ống dẫn nước luôn được kiểm tra, xử lý kịp thời. Hàng tháng có nhân viên thường xuyên đi kiểm tra, thay, sửa chữa, bảo dưỡng đường ống và các thiết bị cấp, đo nước.

4.8. Hoạt động marketing

Công ty luôn xác định trong điều kiện kinh tế thị trường hoạt động marketing giữ vai trò rất quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty đã, đang và sẽ đầu tư đúng mức cho hoạt động này trong thời gian tới. Khi ngành nghề kinh doanh của Công ty ngày càng mở rộng, yêu cầu đối với hoạt động marketing sẽ ở mức cao hơn và Công ty sẽ tiếp tục đầu tư cho lĩnh vực marketing để có đội ngũ marketing vững mạnh, chuyên nghiệp cao để thu thập thông tin thị trường, khách hàng nhằm xác định nhu cầu của thị trường, của khách hàng cũng như khả năng tài chính của khách hàng để đưa ra những chiến lược marketing phù hợp trong từng thời điểm cụ thể, góp phần mang lại thành công của Công ty trong việc tổ chức thực hiện chiến lược kinh doanh.

4.9. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Công ty đã thực hiện đăng ký nhãn hiệu thương mại:



4.10. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 4: Các hợp đồng lớn đang được ký kết

ST T	Tên HĐ	Đối tác	Sản phẩm/ dịch vụ cung cấp	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng (Triệu đồng)
1	Gói thầu số 3: Hệ thống cấp điện sinh hoạt, điện chiếu sáng, tuynel kỹ thuật - DA HTKT khu nhà ở để đấu giá quyền sử dụng đất K15, phường Kinh Bắc, thành phố Bắc Ninh HĐ số: 145/HĐ-XD ngày 04/08/2012	Ban QLDA XD thành phố Bắc Ninh	Xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật	70 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng	16.285
2	Gói thầu số 3: HT điện chiếu sáng, CV cây xanh thuộc dự án HTKT khu nhà ở DCDV và đấu giá QSD đất tạo vốn XD CSHT tại khu đất xã Nam Sơn, Văn Dương, TP Bắc Ninh HĐ số: 04/2012/HĐ-XD ngày 06/02/2012	Ban QLDA XD thành phố Bắc Ninh	Xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật	120 ngày kể từ ngày 12/03/2012	11.706
3	CT: Hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở dân cư dịch vụ phường Kinh Bắc, TP BN HĐ số: 261/2010/HĐ-XD ngày 26/11/2010	UBND phường Kinh Bắc	Xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật	120 ngày kể từ ngày 26/11/2010	6.837
4	Gói thầu số 1: Toàn bộ phần xây dựng công trình: Tuyến ống truyền tải và phân phối nước sạch cho phường Văn Dương và xã Nam Sơn, thành phố Bắc Ninh HĐ số: 13/05/2015/HDXL ngày 13/05/2015	Ban quản lý các dự án cấp nước tỉnh Bắc Ninh	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật cấp nước	Đến 31/12/2015	9.223
5	Gói thầu số 1: Toàn bộ phần xây dựng công trình: Mạng lưới cấp nước dịch vụ phường Văn Dương, thành phố Bắc Ninh HĐ số: 07/08/2015/HDXL ngày 07/08/2015	Ban quản lý các dự án cấp nước tỉnh Bắc Ninh	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật cấp nước	360 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	6.769
6	Gói thầu số 1: Toàn bộ phần xây dựng công trình: Mạng lưới cấp	Ban quản lý các dự	Xây dựng hạ tầng	361 ngày kể từ ngày ký	7.094

	nước dịch vụ xã Nam Sơn, thành phố Bắc Ninh HĐ số: 08/08/2015/HĐXL ngày 07/08/2015	án cấp nước tỉnh Bắc Ninh	kỹ thuật cấp nước	hợp đồng	
7	Gói thầu số 1: Toàn bộ phần xây dựng công trình: Nâng công suất giai đoạn II nhà máy cấp nước thị trấn Gia Bình, huyện Gia Bình. HĐ số: 07/08/2015B/HĐXL ngày 07/08/2015	Ban quản lý các dự án cấp nước tỉnh Bắc Ninh	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật cấp nước	Đến 31/12/2015	2.008
8	Gói thầu số 1: Toàn bộ phần xây lắp công trình: Tuyến ống phân phối nước sạch cho phường Phong Khê, thành phố Bắc Ninh HĐ số: 19/10/2015 ngày 19/10/2015	Ban quản lý các dự án cấp nước tỉnh Bắc Ninh	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật cấp nước	Đến 31/12/2015	2.462
9	Gói thầu số 1: Toàn bộ phần xây lắp công trình: Mạng cấp nước dịch vụ phường Phong Khê, thành phố Bắc Ninh HĐ số: 29/12/2015/HĐXL ngày 29/12/2015	Ban quản lý các dự án cấp nước tỉnh Bắc Ninh	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật cấp nước	Đến 31/03/2016	4.537
10	Gói thầu số 1: Toàn bộ phần xây lắp công trình: Tuyến ống phân phối nước sạch cho các khu vực chưa có nước sạch thuộc thành phố Bắc Ninh (năm 2015) HĐ số: 29/01/2016 ngày 09/01/2016	Ban quản lý các dự án cấp nước tỉnh Bắc Ninh	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật cấp nước	Đến 31/06/2016	5.502
11	Gói thầu số 1: Toàn bộ phần xây lắp công trình: Mạng cấp nước dịch vụ cho các khu vực chưa có nước sạch thuộc thành phố Bắc Ninh (năm 2015) HĐ số: 27/04/2016 ngày 24/04/2016	Ban quản lý các dự án cấp nước tỉnh Bắc Ninh	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật cấp nước	Đến 31/12/2016	5.096

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh)

4.11. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa của Công ty

Bảng 5: Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh các năm trước cổ phần hóa

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Dự kiến Năm 2016
1. Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	255.388	307.230	292.443	241.231	230.580
2. Vốn nhà nước theo sổ sách kế toán	Triệu đồng	123.709	138.757	144.981	145.793	148.481
3. Nợ vay ngắn hạn	Triệu đồng	-	-	2.918	2.918	19.3882
Trong đó, nợ quá hạn	Triệu đồng	-	-	-	-	-
4. Nợ vay dài hạn	Triệu đồng	2.596	47.235	41.400	38.483	60.67
Trong đó, nợ quá hạn	Triệu đồng	-	-	-	-	-
5. Nợ phải thu khó đòi	Triệu đồng	-	-	-	-	-
6. Tổng số lao động	Người	318	354	402	380	360
7. Tổng quỹ lương	Triệu đồng	21.293	22.109	29.233	32.331	31.812
8. Thu nhập bình quân 1 người/tháng	Triệu đồng/người	5,58	5,76	6,56	7,09	7,2
9. Tổng doanh thu	Triệu đồng	103.111	109.385	124.445	118.608	85.000
10. Tổng chi phí	Triệu đồng	99.860	103.907	120.272	115.597	81.500
11. Lợi nhuận thực hiện	Triệu đồng	3.251	5.478	4.173	3.011	3.500
12. Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	2.682	4.121	3.268	2.561	2.730
13. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn nhà nước	%	2,17	2,97	2,25	1,76	1,83

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty các năm 2013, 2014 và 2015)

Một số chỉ tiêu tài chính:

Bảng 6: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu trước khi cổ phần

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2014	Năm 2015
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: (= TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,31	1,98

Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho) Nợ ngắn hạn	Lần	0,67	1,71
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	47,52%	38,90%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	93,51%	63,68%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho BQ	Lần	1,68	0,48
Doanh thu thuần/Tổng tài sản Doanh thu thuần Tổng tài sản BQ	Lần	0,41	0,43
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,03%	2,22%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ	%	2,54%	1,73%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ	%	1,24%	0,96%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	3,52%	2,32%

Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trước khi cổ phần hóa:

❖ **Về cơ cấu vốn:**

Về cơ bản, cơ cấu nợ trên tổng tài sản/vốn chủ sở hữu của Công ty đang ở mức an toàn. Điều này cho thấy mức độ an toàn trong kinh doanh cao và có khả năng tự chủ về mặt tài chính đồng Công ty tận dụng được lợi thế của đòn bẩy tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

❖ **Về khả năng thanh toán:**

Các hệ số khả năng thanh toán năm 2015 của công ty đều lớn hơn 1, cho thấy tính an toàn về mặt tài chính và đảm bảo cho việc thanh toán các khoản nợ ngắn hạn. Như vậy, nói chung tình hình thanh khoản của Công ty tốt.

❖ **Về khả năng sinh lời:**

Các chỉ số khả năng sinh lời năm 2015 có sự sụt giảm so với năm 2014, nguyên nhân là do năm 2015, công ty có sự biến động trong quá trình chia tách doanh nghiệp, tuy nhiên, hệ số này vẫn tương đối ổn định.

Do đặc thù của hoạt động của Công ty là hoạt động công ích, đơn giá các dịch vụ cung cấp trên địa bàn được điều chỉnh bởi quy định của UBND tỉnh Bắc Ninh. Theo đó,

khả năng sinh lời của Công ty còn thấp.

6. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Trong quá trình hoạt động, Công ty cũng chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khách quan và chủ quan do đó có tác động đến quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Cụ thể:

❖ Thuận lợi

Sản phẩm và dịch vụ của Công ty là một trong những sản phẩm thiết yếu đối với người tiêu dùng, nhu cầu sử dụng nước sạch ngày càng gia tăng khi chất lượng đời sống xã hội ngày càng cao.

Là một trong những công ty có bề dày lịch sử lâu đời và có nhiều đóng góp cho sự phát triển của tỉnh nên Công ty luôn nhận được sự quan tâm của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh, nhận được sự hỗ trợ kịp thời của các sở ban ngành trong tỉnh tạo điều kiện thuận lợi nhất cho Công ty thực hiện nhiệm vụ của mình.

Với phương thức hoạt động kinh doanh phát triển bền vững dựa trên nền tảng giá trị gia tăng ngày càng cao cho người dân tại địa phương và trách nhiệm người lao động trong công ty, nên những năm qua công ty luôn nhận được sự ủng hộ nhiệt tình của các cấp chính quyền và sự gắn bó lâu dài, xây dựng cùng phát triển của toàn thể cán bộ công nhân viên công ty.

Tập thể cán bộ công nhân viên công ty là đội ngũ cán bộ trẻ, năng động, đoàn kết, yêu nghề, tận tụy trong công việc, học hỏi kinh nghiệm thực tế và quy trình sản xuất từ các đơn vị bạn để áp dụng vào công việc một cách khoa học, hợp lý giúp nâng cao hiệu quả và chất lượng trong công tác chuyên môn, có tinh thần trách nhiệm chấp hành tốt nội quy, quy chế hoạt động của cơ quan,... đây chính là nguồn lực chính giúp Công ty luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ.

❖ Khó khăn

Khó khăn chung của nền kinh tế đã ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong những năm qua. Tình hình lạm phát gia tăng đã làm cắt giảm các hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản và các hoạt động đầu tư khác.

Giá nước trong giai đoạn 2011-2015 chưa phản ánh đầy đủ, đúng các chi phí thực tế cho sản xuất và lưu thông trong khi giá cả nguyên vật liệu tăng cao, khung giá nước lại do Nhà nước quy định, công ty không được phép điều chỉnh theo tình hình thực tế, đã ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

7.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Thành lập từ năm 1997, Công ty đã có gần 20 năm kinh nghiệm trong hoạt động cung ứng nước sạch và xây dựng các công trình cấp thoát nước. Đội ngũ cán bộ dày kinh nghiệm, đáp ứng đầy đủ những yêu cầu từ phía khách hàng cả về chất lượng và khối lượng. Đến nay Công ty vẫn không ngừng khẳng định vị thế và tiếp tục phát triển, tạo lập uy tín từ khách hàng và luôn cố gắng phát triển, tìm kiếm nguồn khách hàng mới. Là một trong những công ty cấp nước duy trì tỷ lệ thất thoát nước thấp nhất cả nước (từ 15-17%).

7.2. Triển vọng phát triển của ngành

Cấp nước là lĩnh vực cung cấp dịch vụ công cộng mang tính chất thiết yếu trong đời sống xã hội. Theo nhận định của nhiều chuyên gia kinh tế, với sự quan tâm tập trung ưu tiên của Chính phủ, lãnh đạo các địa phương, cùng với sự nỗ lực cố gắng của các doanh nghiệp, lĩnh vực cấp nước trong những năm qua đã có những bước phát triển hết sức tích cực, quy mô, công suất, phạm vi chất lượng dịch vụ ngày càng tăng cao, dần đáp ứng được nhu cầu phục vụ sản xuất - sinh hoạt của người dân.

Tuy nhiên, hiện nay lĩnh vực cấp nước của Việt Nam vẫn còn nhiều bất cập, chưa theo kịp với tốc độ đô thị hóa nhanh và sự gia tăng dân số tại các đô thị, cũng như yêu cầu cao của cộng đồng. Theo đó, tỷ lệ cung cấp nước tập trung ở các đô thị còn thấp, mới đạt 81%, tỷ lệ thất thoát, thất thu còn lớn, khoảng 26%.

Với triển vọng mở rộng và nâng cấp cơ sở hạ tầng nước quốc gia, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1929/QĐ-TTG ngày 20/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2050, tất cả các đô thị, công nghiệp (bao gồm khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế) được đáp ứng đầy đủ các nhu cầu cấp nước trên cơ sở cấp nước ổn định, chất lượng bảo đảm, dịch vụ tốt và kinh tế và Quyết định số 1930/QĐ-TTG ngày 20/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt định hướng phát triển thoát nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, mục tiêu và các chỉ tiêu cụ thể đến năm 2050 như sau:

- Tỷ lệ bao phủ dịch vụ cấp nước sạch tại các đô thị đạt 100%, với tiêu chuẩn cấp nước bình quân đạt 120 lít/người/ngày đêm, chất lượng nước đạt tiêu chuẩn quy định;
- Tỷ lệ thất thoát thất thu nước sạch tại các đô thị dưới 15%;
- Dịch vụ cấp nước ổn định, liên tục 24h trong ngày, áp lực nước trên toàn mạng đạt tiêu chuẩn quy định;

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII Đảng Cộng sản Việt Nam đã ra nghị quyết về vấn đề môi trường: “Đến năm 2020, 95% dân cư thành thị, 90% dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh và 85% chất thải nguy hại, 95 - 100% chất thải y tế được xử lý; tỉ lệ che phủ rừng đạt 42%”

Với định hướng tập trung phát triển lĩnh vực truyền thống và có thể mạnh là kinh doanh nước sạch và thi công xây dựng và thiết kế các công trình cấp thoát nước ..., tiềm năng và cơ hội phát triển cho công ty trong tương lai là rất lớn.

Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bắc Ninh là các đơn vị chủ đạo cung cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Với nhu cầu sử dụng nước sạch ngày một gia tăng của dân cư trong khu vực này, Công ty có nhiều cơ hội mở rộng sản xuất, tăng doanh thu.

7.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước

Định hướng, mục tiêu phát triển của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh đã đề ra hoàn toàn phù hợp và đi đúng hướng với quan điểm và định hướng phát triển của ngành. Với những lợi thế phát triển riêng, với những nỗ lực của đội ngũ cán bộ

công nhân viên, Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh hoàn toàn có thể tiếp bước trở thành một Doanh nghiệp cổ phần mạnh trong ngành cấp nước trong khu vực miền Bắc.

II. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

1. Thực trạng về tài sản cố định

Tình hình tài sản cố định của Công ty theo số liệu sổ sách Kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (31/10/2015) thể hiện tóm tắt ở bảng sau:

Bảng 7: Tình hình tài sản cố định của Công ty theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (31/10/2015)

Đơn vị tính: đồng

TT	Loại tài sản	Giá trị sổ sách		Giá trị thực tế	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
A	TSCĐ đang sử dụng	204.553.435.380	143.856.890.591	346.594.322.843	180.182.764.527
a.	Tài sản cố định hữu hình	204.553.435.380	143.856.890.591	346.594.322.843	180.182.764.527
1	Nhà cửa vật kiến trúc	55.437.429.439	42.118.541.732	74.356.361.042	47.610.618.590
2	Máy móc thiết bị	7.159.153.882	2.681.075.867	7.515.536.752	3.325.416.410
3	Phương tiện vận tải	998.909.090	237.250.000	1.620.000.000	510.000.000
4	Thiết bị truyền dẫn	81.173.677.234	58.365.445.720	147.049.712.077	72.621.479.300
5	Thiết bị quản lý	929.413.310	661.590.370	929.413.310	661.590.370
6	TSCĐ khác	58.854.852.425	39.792.986.902	115.123.299.662	55.453.659.857
b.	TSCĐ vô hình				
B	TSCĐ không cần dùng				
C	TSCĐ chờ thanh lý	1.072.469.614	76.882.919	1.072.469.614	76.882.919
1	Máy móc thiết bị	855.040.228	76.882.919	855.040.228	76.882.919
2	Thiết bị quản lý	217.429.386		217.429.386	-
D	TSCĐ hình thành từ Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi				
	Tổng cộng	205.625.904.994	143.933.773.510	347.666.792.457	180.259.647.446

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh)

Theo Quyết định số 700/QĐ-UBND ngày 20/06/2016 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp đề cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh, giá trị còn lại của Khoản mục TSCĐ hữu hình là 180.376.410.731 đồng.

Căn cứ theo biên bản thẩm tra xác định giá trị doanh nghiệp theo phương pháp tài sản của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh tại thời điểm 31/10/2016 ngày 09/06/2016. Số liệu xác định giá trị doanh nghiệp của khoản mục TSCĐ hữu hình là 180.182.764.527 đồng, số liệu thẩm tra lại là 180.376.410.731 đồng, số liệu chênh lệch 193.646.204 đồng nguyên nhân là do:

1. Dự án “Cấp nước thị xã Bắc Ninh giai đoạn I”

Nội dung chi phí	Số tiền
Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	97.075.847
Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ mời thầu lắp đặt thiết bị	9.657.684
Tổng	106.733.531

2. Dự án “Cấp nước thị xã Bắc Ninh giai đoạn II”

Nội dung chi phí	Số tiền
Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	53.840828
Tổng	53.840828

3. Dự án “Cấp nước thị trấn Lim giai đoạn I”

Nội dung chi phí	Số tiền
Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	33.071.845
Tổng	33.071.845

Tổng cộng (1)+(2)+(3) :106.733.531+53.840.828+33.071.845 = 193.646.204 đồng

❖ Phương tiện vận tải:

Bảng 8: Thực trạng tài sản phương tiện vận tải tại thời điểm 31/10/2015

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên tài sản	Năm SX	Giá trị sổ sách	Giá trị thực tế
----	-------------	--------	-----------------	-----------------

			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá xác định lại	Giá trị còn lại
I	ĐÁNH GIÁ LẠI NGUYÊN GIÁ		998.909.090	237.250.000	1.620.000.000	510.000.000
1	Xe tải Huyndai 2,5 tấn	2008	603.909.090	237.250.000	620.000.000	310.000.000
2	Xe ô tô 07 chỗ Misubishi Pajero	2007	306.000.000	-	600.000.000	120.000.000
3	Xe bán tải Mitsubishi L200	2009	89.000.000	-	400.000.000	80.000.000
	TỔNG CỘNG		998.909.090	237.250.000	1.620.000.000	510.000.000

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp được duyệt theo Quyết định số 700/QĐ-UBND ngày 20/06/2016 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

❖ Cơ sở vật chất (nhà cửa, vật kiến trúc):

Bảng 9: Thực trạng nhà cửa, vật kiến trúc tại thời điểm 31/10/2015

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên tài sản	Giá trị sổ sách		Giá trị thực tế	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá xác định lại	Giá trị còn lại
I	ĐÁNH GIÁ LẠI NGUYÊN GIÁ	21.824.969.456	11.480.476.809	40.283.740.299	16.834.505.439
	<i>Tài sản của Dự án "Cấp nước thị xã Bắc Ninh giai đoạn I"</i>	<i>12.935.765.350</i>	<i>6.170.573.012</i>	<i>24.210.366.453</i>	<i>7.996.787.301</i>
1	Bể chứa nước 2000m ³ (GD1)	1.337.488.970	602.064.788	3.062.184.351	1.071.764.523
2	Công trình phụ trợ bể 1500m ³ (GD1)	156.604.818	2.314.195	358.547.123	107.564.137
3	Cụm xử lý lắng lọc (XD)(GD1)	1.618.780.435	868.463.585	3.706.201.866	1.297.170.653
4	Khu xử lý bùn (XD) (GD1)	2.112.119.789	1.133.136.460	4.835.703.555	1.692.496.244
5	Trạm bơm cấp 2 (GD1)	510.302.178	273.773.299	917.336.876	321.067.907
6	Nhà cầu nhà lọc (XD) (GD1)	573.976.624	307.934.160	1.031.800.267	361.130.093
7	Nhà ga ra kho xường (GD1)	623.219.180	280.539.386	1.120.320.391	392.112.137
8	Nhà kho (san nền, công tường rào, nhà kho, BPTC) (GD1)	462.924.993	208.383.657	1.127.935.547	338.380.664
9	Nhà + đường + trạm bơm khu giếng (GD1)	1.800.320.425	810.406.333	1.730.364.430	519.109.329
10	Nhà + đường + tường rào, ... khu xử lý(GD1)	3.740.027.938	1.683.557.149	6.319.972.047	1.895.991.614
	<i>Tài sản của Dự án "Cấp nước thị xã Bắc Ninh giai đoạn II"</i>	<i>1.706.756.059</i>	<i>955.439.421</i>	<i>4.412.594.855</i>	<i>2.222.187.235</i>
11	Sân lắng bùn (DACNGĐ2)	125.789.172	30.606.126	284.488.401	99.570.940
12	Bể chứa 2000m ³ (DACNGĐ2)	1.317.382.016	770.641.536	3.458.814.253	1.729.407.127
13	Đường quản lý giếng (DACNGĐ2)	263.584.871	154.191.759	669.292.201	393.209.168
	<i>Tài sản của Dự án "Cấp nước thị trấn Lâm giai đoạn I"</i>	<i>4.832.503.524</i>	<i>3.511.619.228</i>	<i>4.838.370.542</i>	<i>3.483.626.790</i>
14	Nhà máy + Bê tông hoá sinh	4.832.503.524	3.511.619.228	4.838.370.542	3.483.626.790

	<i>Tài sản tại thành phố Bắc Ninh</i>	<i>2.349.944.523</i>	<i>842.845.148</i>	<i>6.822.408.449</i>	<i>3.131.904.113</i>
15	Bể chứa nước 1500m ³ (GD1)	587.839.000	93.080.404	2.265.021.640	792.757.574
16	Trạm xử sủi - Nhà máy nước BN	192.786.000	41.770.300	384.340.232	134.519.081
17	Đường bê tông - Nhà điều hành giếng	74.880.523	52.104.364	110.970.159	77.679.111
18	Nhà văn phòng 57 Ngô Gia Tự	1.494.439.000	655.890.080	4.062.076.418	2.126.948.347
II	ĐÃ KHẤU HAO HẾT VÀ KHÔNG CÓ SỐ DƯ TRÊN SỔ SÁCH			460.160.760	138.048.228
19	Nhà thường trực			48.702.200	14.610.660
20	Nhà làm việc đội + quản lí mạng			169.360.000	50.808.000
21	Nhà để xe			30.870.000	9.261.000
22	Tường rào, cổng			92.930.560	27.879.168
23	Sân vườn			118.298.000	35.489.400
III	KHÔNG ĐÁNH GIÁ LẠI DO MỚI ĐẦU TƯ	33.612.459.983	30.638.064.923	33.612.459.983	30.638.064.923
	<i>Tài sản tại thị trấn Gia Bình</i>	<i>10.127.604.866</i>	<i>8.979.809.648</i>	<i>10.127.604.866</i>	<i>8.979.809.648</i>
24	Xây dựng trạm xử lý	10.127.604.866	8.979.809.648	10.127.604.866	8.979.809.648
	<i>Tài sản tại thị trấn Chờ</i>	<i>23.484.855.117</i>	<i>21.658.255.275</i>	<i>23.484.855.117</i>	<i>21.658.255.275</i>
25	Hệ thống cấp nước Thị trấn Chờ	23.484.855.117	21.658.255.275	23.484.855.117	21.658.255.275
	TỔNG CỘNG	55.437.429.439	42.118.541.732	74.356.361.042	47.610.618.590

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp được duyệt theo Quyết định số 700/QĐ-UBND ngày 20/06/2016 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

2. **Thực trạng về tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn tại thời điểm 31/10/2015:**

Bảng 10: Thực trạng về tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn tại thời điểm 31/10/2015

Đơn vị tính: Đồng

TT	Khoản mục	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Số liệu thẩm tra lại
	TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	55.611.214.334	55.773.115.371	55.773.115.371
1.	Tiền	26.436.509.018	26.436.509.018	26.436.509.018
	<i>Tiền mặt tồn quỹ</i>	<i>3.778.372.552</i>	<i>3.778.372.552</i>	<i>3.778.372.552</i>
	<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>4.158.136.466</i>	<i>4.158.136.466</i>	<i>4.158.136.466</i>
	<i>Các khoản tương đương tiền</i>	<i>18.500.000.000</i>	<i>18.500.000.000</i>	<i>18.500.000.000</i>
2.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
3.	Các khoản phải thu	22.758.903.635	22.868.078.074	22.868.078.074
4.	Vật tư hàng hoá tồn kho	5.742.308.857	5.742.308.857	5.742.308.857
5.	TSLĐ khác	673.492.824	726.219.422	726.219.422

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp được duyệt theo Quyết định số 700/QĐ-UBND ngày 20/06/2016 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

3. Thực trạng nguồn vốn tại thời điểm 31/10/2015:

Bảng 11: Thực trạng nguồn vốn tại thời điểm 31/10/2015

Đơn vị tính: Đồng

TT	Khoản mục	Thời điểm ngày 31/10/2015
I	Tổng giá trị thực tế doanh nghiệp	278.478.161.042
	Trong đó:	
	- Nợ thực tế phải trả	92.559.764.982
	- Thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp	185.918.396.060

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp được duyệt theo Quyết định số 700/QĐ-UBND ngày 20/06/2016 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

4. Thực trạng về tình hình công nợ tại thời điểm 31/10/2015:

Thực trạng về công nợ của Công ty theo số liệu sổ sách Kế toán tại thời điểm 31/12/2015 như sau:

Bảng 12: Thực trạng về công nợ của Công ty theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm 31/12/2015

TT	Khoản mục	Thời điểm ngày 31/10/2015
	Nợ phải thu	30.816.085.675
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	21.058.671.269
	- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.870.044.885
	- Phải thu nội bộ ngắn hạn	9.698.502.090
	- Phải thu ngắn hạn khác	4.599.298.733
	- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(109.174.439)
II	Các khoản phải thu dài hạn	9.757.414.406
	- Phải thu dài hạn của khách hàng	8.078.331.315
	- Trả trước cho người bán dài hạn	732.900.591
	- Phải thu dài hạn khác	1.232.252.258
	- Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(286.069.758)
	Nợ phải trả	93.850.363.973
I	Nợ ngắn hạn	25.302.214.620
	- Phải trả người bán ngắn hạn	13.764.653.224

TT	Khoản mục	Thời điểm ngày 31/10/2015
	Nợ phải thu	30.816.085.675
	- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	2.716.106.762
	- Phải trả người lao động	5.000.000.000
	- Phải trả nội bộ ngắn hạn	271.703.327
	- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	2.917.530.000
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	632.221.307
II	Nợ dài hạn	68.548.149.353
	- Phải trả người bán dài hạn	17.331.047.201
	- Người mua trả tiền trước dài hạn	578.840.460
	- Chi phí trả trước dài hạn	622.323.000
	- Phải trả nội bộ dài hạn	796.031.980
	- Phải trả dài hạn khác	10.737.290.512
	- Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	38.482.616.200

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2015)

5. Tổng diện tích đất đai doanh nghiệp đang sử dụng

Hiện tại, Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh đang quản lý và sử dụng 13 lô đất với tổng diện tích là 78,887,2 m², tình hình sử dụng cụ thể như sau:

Bảng 13: Tình hình sử dụng đất tính đến 31/10/2015

Stt	Địa chỉ khu đất	Diện tích (m ²)	Hiện trạng, mục đích sử sụng đất	Cơ sở pháp lý
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Phường Thị Cầu - thành phố Bắc Ninh	665,5	Xây dựng nhà làm việc Ban QLDA cấp nước Bắc Ninh (trụ sở Công ty - số 57 Ngô Gia Tự - thành phố Bắc Ninh)	1011/CT, ngày 24/10/1995 của UBND tỉnh Hà Bắc
2	Núi pháo đài, phường Đáp cầu - thành phố Bắc Ninh	15.153,0	Xây dựng Hệ thống cấp nước thị xã Bắc Ninh (nay là thành phố Bắc Ninh)	1299/CT, ngày 4/11/1996 của UBND tỉnh Hà Bắc
3	Xã Hòa Long - huyện Yên Phong; xã Vũ Ninh, Phường Đáp Cầu - thành phố Bắc Ninh	10.946,6	Xây dựng đường ống dẫn nước thô thuộc Hệ thống cấp nước thị xã Bắc Ninh (nay là thành phố Bắc Ninh)	422/QĐ-CT, ngày 02/7/1997 của UBND tỉnh Bắc Ninh
4	Đồi Pháo Thủ, Phường Đáp Cầu - thành phố Bắc Ninh	1.589,0	Xây dựng kho, bãi chứa hàng thuộc Nhà máy nước thị xã Bắc Ninh (nay là thành phố Bắc Ninh)	596/QĐ-CT, ngày 6/7/1998 của UBND tỉnh Hà Bắc

5	Thị trấn Phố Mới - huyện Quế Võ	2.040,0	Xây dựng Hệ thống cấp nước thị trấn Phố Mới - huyện Quế Võ - tỉnh Bắc Ninh	18/QĐ-CT, ngày 18/9/1999, của UBND tỉnh Bắc Ninh
6	Thị trấn Thứa - huyện Lương Tài	7.237,2	Xây dựng Hệ thống cấp nước thị trấn Thứa - huyện Lương Tài - tỉnh Bắc Ninh	56/QĐ-CT, ngày 19/01/2001, của UBND tỉnh Bắc Ninh
7	Xã Hòa Long - huyện Yên Phong	1.549,7	Xây dựng nâng cấp và mở rộng Hệ thống cấp nước thị xã Bắc Ninh (nay là thành phố Bắc Ninh)	1570/QĐ-CT, ngày 22/9/2004 của UBND tỉnh Bắc Ninh
8	Xã Nội Duệ - huyện Tiên Du	5.537,8	Xây dựng Hệ thống cấp nước thị trấn Lim - huyện Tiên Du - tỉnh Bắc Ninh	478/QĐ-CT, ngày 07/4/2005 của UBND tỉnh Bắc Ninh
9	Xã Hòa Long - huyện Yên Phong - tỉnh Bắc Ninh	1.221,9	Xây dựng nâng cấp và mở rộng Hệ thống cấp nước thành phố Bắc Ninh	97/QĐ-UBND, ngày 17/1/2007 của UBND tỉnh Bắc Ninh
10	Thị trấn Thứa - huyện Lương Tài	4.370,7	Xây dựng Hồ lắng sơ bộ của Nhà máy cấp nước thị trấn Thứa - huyện Lương Tài - tỉnh Bắc Ninh	1620/QĐUBND, ngày 29/10/2009, của UBND tỉnh Bắc Ninh
11	Xã Lãng Ngâm - huyện Gia Bình - tỉnh Bắc Ninh	7.948,3	Xây dựng hệ thống cấp nước đô thị thị trấn Gia Bình - huyện Gia Bình - tỉnh Bắc Ninh	919/QĐ-UBND, ngày 21/7/2010
12	Xã Hòa Long - thành phố Bắc Ninh	125,0	Xây dựng các giếng khoan khai thác nước ngầm - Nhà máy nước Bắc Ninh	307/QĐ-UBND, ngày 19/8/2013 của UBND tỉnh Bắc Ninh
13	Xã Tam Giang và thị trấn Chờ - huyện Yên Phong - tỉnh Bắc Ninh	16.502,5	Xây dựng hệ thống cấp nước đô thị thị trấn Chờ - huyện Yên Phong - tỉnh Bắc Ninh	515/QĐ-UBND, ngày 11/12/2014 của UBND tỉnh Bắc Ninh
	Tổng cộng	74.887,2		

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh)

6. Thực trạng về tài chính, công nợ

Thực trạng về tài chính, công nợ của Công ty theo số liệu sổ sách Kế toán tại thời điểm 31/12/2015 như sau:

Bảng 14: Thực trạng về tài chính, công nợ của Công ty theo số liệu sổ sách Kế toán tại thời điểm 31/12/2015

Đơn vị tính: đồng

❖ Vốn chủ sở hữu	147.380.212.223
Trong đó :	
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	145.793.325.543

- Quỹ đầu tư phát triển	1.045.680.610
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	541.206.070
❖ Các khoản phải thu	30.816.085.675
- Phải thu ngắn hạn	21.058.671.269
- Phải thu dài hạn	9.757.414.406
❖ Nợ phải trả	93.850.363.973
- Nợ ngắn hạn	25.302.214.620
- Nợ dài hạn	68.548.149.353

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty năm 2015)

7. Thực trạng về lao động

Tại thời điểm ngày công bố giá trị doanh nghiệp, tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty là 348 người, trong đó cơ cấu như sau:

Bảng 15: Cơ cấu lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỉ trọng (%)
Tổng số	348	100
1. Phân theo trình độ lao động	348	100
- Trình độ Đại học và trên đại học	117	33,62
- Trình độ cao đẳng	39	11,21
- Trình độ trung cấp, công nhân kỹ thuật	184	52,87
- Lao động phổ thông	8	2,30
2. Phân theo loại hợp đồng lao động	348	100
Không thuộc diện ký hợp đồng lao động	3	0,89
Lao động làm việc theo HĐLĐ	331	95,11
- HĐLĐ không thời hạn	251	72,13
- HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	80	22,98
- HĐLĐ theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định dưới 03 tháng	00	00
Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của Công ty	14	4,00
3. Phân theo giới tính	348	100
- Nam	219	62,93
- Nữ	129	37,07

(Nguồn: Đề án sắp xếp lao động của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh)

Số lao động bình quân của các năm giai đoạn trước cổ phần hóa như sau:

Lao động	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Số lao động bình quân	320	374	380

III. KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

Theo Quyết định số 700/QĐ-UBND ngày 20/06/2016 của UBND tỉnh Bắc Ninh, Giá trị thực tế của doanh nghiệp là: **278.478.161.042 đồng** (Hai trăm bảy mươi tám tỷ, bốn trăm bảy mươi tám triệu, một trăm sáu mươi một nghìn, không trăm bốn mươi hai đồng). Trong đó:

Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp là: **185.918.396.060 đồng**

Tổng thực tế nợ phải trả là: **92.559.764.982 đồng**

Bảng 16: Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/10/2015

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu		Số liệu xác định giá trị doanh nghiệp	Số liệu thẩm tra lại	Chênh lệch
A.	Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)	278.284.514.838	278.478.161.042	193.646.204
I.	TSCĐ và đầu tư dài hạn	222.511.399.467	222.705.045.671	193.646.204
1.	Tài sản cố định	180.182.764.527	180.376.410.731	193.646.204
a.	Tài sản cố định hữu hình	180.182.764.527	180.376.410.731	193.646.204
b.	Tài sản cố định vô hình			0
c.	Bất động sản đầu tư			0
2.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4.156.324.843	4.156.324.843	0
3.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	23.196.766.638	23.196.766.638	0
4.	Các khoản phải thu dài hạn	14.297.062.928	14.297.062.928	0
5.	Chi phí trả trước dài hạn	678.480.531	678.480.531	0
II.	TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	55.773.115.371	55.773.115.371	0
1.	Tiền	26.436.509.018	26.436.509.018	0
	Tiền mặt tồn quỹ	3.778.372.552	3.778.372.552	0
	Tiền gửi ngân hàng	4.158.136.466	4.158.136.466	0
	Các khoản tương đương tiền	18.500.000.000	18.500.000.000	0
2.	Đầu tư tài chính ngắn hạn			0
3.	Các khoản phải thu	22.868.078.074	22.868.078.074	0
4.	Vật tư hàng hoá tồn kho	5.742.308.857	5.742.308.857	0
5.	TSLĐ khác	726.219.422	726.219.422	0
III.	Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp			0
IV.	Giá trị quyền sử dụng đất			0
B.	Tài sản không cần dùng			0

C.	Tài sản chờ thanh lý	76.882.919	76.882.919	0
D.	Tài sản hình thành từ quỹ KTPL			0
	TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A+B+C+D)	278.361.397.757	278.361.397.757	193.646.204
	Tổng giá trị thực tế doanh nghiệp (Mục A)	278.284.514.838	278.284.514.838	193.646.204
E1.	Nợ thực tế phải trả	92.559.764.982	92.559.764.982	0
E2.	Nguồn kinh phí sự nghiệp			0
	TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A -(E1+E2)]	185.724.749.856	185.918.396.060	193.646.204

(Nguồn: theo Quyết định số 700/QĐ-UBND ngày 20/06/2016 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

PHẦN II. PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

1. Căn cứ pháp lý để xây dựng phương án cổ phần hóa

- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 116/2015/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành Công ty cổ phần;
- Thông tư số 127/2008/NĐ-CP ngày 12/12/2008 của Bộ Tài Chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Thông tư số 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/10/2015 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, hướng dẫn thực hiện một số điều của nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu
- Quyết định 420/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh ngày 26/09/2014 về việc thực hiện cổ phần hóa đối với Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh;
- Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 03/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh và Công ty TNHH MTV Thoát nước và xử lý nước thải Bắc Ninh;

- Quyết định 586/QĐ-CTN của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh ngày 09/12/2015 về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp (kiện toàn lại);
- Quyết định số 587/QĐ-CTN của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh ngày 09/12/2015 về việc thành lập các Tổ giúp việc thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp (kiện toàn lại);
- Quyết định số 700/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh ngày 20/06/2016 về việc xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh để cổ phần hóa.
- Căn cứ Quyết định số 924/QĐ-UBND ngày 28/7/2016 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt tiêu chí, trình tự lựa chọn, phương thức bán cổ phần lần đầu cho Nhà đầu tư chiến lược trong quá trình cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Bắc Ninh.

2. Mục tiêu cổ phần hóa

Thực hiện mục tiêu của Chính phủ được nêu trong Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, mục tiêu cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh bao gồm:

- Thực hiện cổ phần hóa nhằm huy động vốn của các cá nhân, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội trong và ngoài nước để tăng cường năng lực tài chính, đổi mới công nghệ, đổi mới phương thức quản lý nhằm nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của doanh nghiệp;
- Đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động trong doanh nghiệp;
- Thực hiện công khai, minh bạch theo nguyên tắc thị trường, khắc phục tình trạng cổ phần hóa khép kín trong nội bộ doanh nghiệp, gắn với phát triển thị trường vốn, thị trường chứng khoán.

3. Điều kiện thuận lợi để cổ phần hóa

Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh luôn nhận được sự hỗ trợ, chỉ đạo sâu sát, kịp thời của UBND tỉnh Bắc Ninh và các cơ quan ban ngành của Tỉnh. Đây là điều kiện thuận lợi giúp Công ty xúc tiến nhanh hơn việc tổ chức thực hiện thành công quá trình cổ phần hoá;

Cơ cấu tổ chức hiện tại của Công ty được sắp xếp tinh gọn, phù hợp với quy mô hoạt động kinh doanh hiện tại, thuận lợi cho công tác quản lý và tổ chức trong giai đoạn đầu hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần;

Ban Giám đốc Công ty đã có sự chuẩn bị tích cực về mặt tư tưởng, tổ chức để quá trình cổ phần hoá diễn ra thuận lợi và thành công, đồng thời công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Nhà nước về cổ phần hoá cho người lao động cũng được thực hiện nghiêm túc, triệt để;

Tập thể người lao động của Công ty từ Ban lãnh đạo đến nhân viên đều thể hiện quyết tâm cao trong việc cổ phần hoá, sẵn sàng tham gia góp vốn mua cổ phần, tiếp tục gắn bó lâu dài với Công ty sau giai đoạn cổ phần hóa.

4. Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ đặc điểm và tình hình thực tế của Công ty tại thời điểm cổ phần hóa và quy định tại Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 07 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần, hình thức cổ phần hóa Công ty là “Giữ nguyên vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp, phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ”.

Vốn điều lệ của Công ty cổ phần là **375.880.800.000** đồng (*Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi lăm tỷ, tám trăm tám mươi triệu, tám trăm hai mươi nghìn đồng*)

5. Tên công ty cổ phần

- Tên tiếng Việt : **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**
- Tên tiếng Anh : **BAC NINH CLEAN WATER JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt : **BANIWACO, JSC**
- Trụ sở chính : **Số 57 Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh**
- Điện thoại: 02413.824.369 Fax: 02413.822708

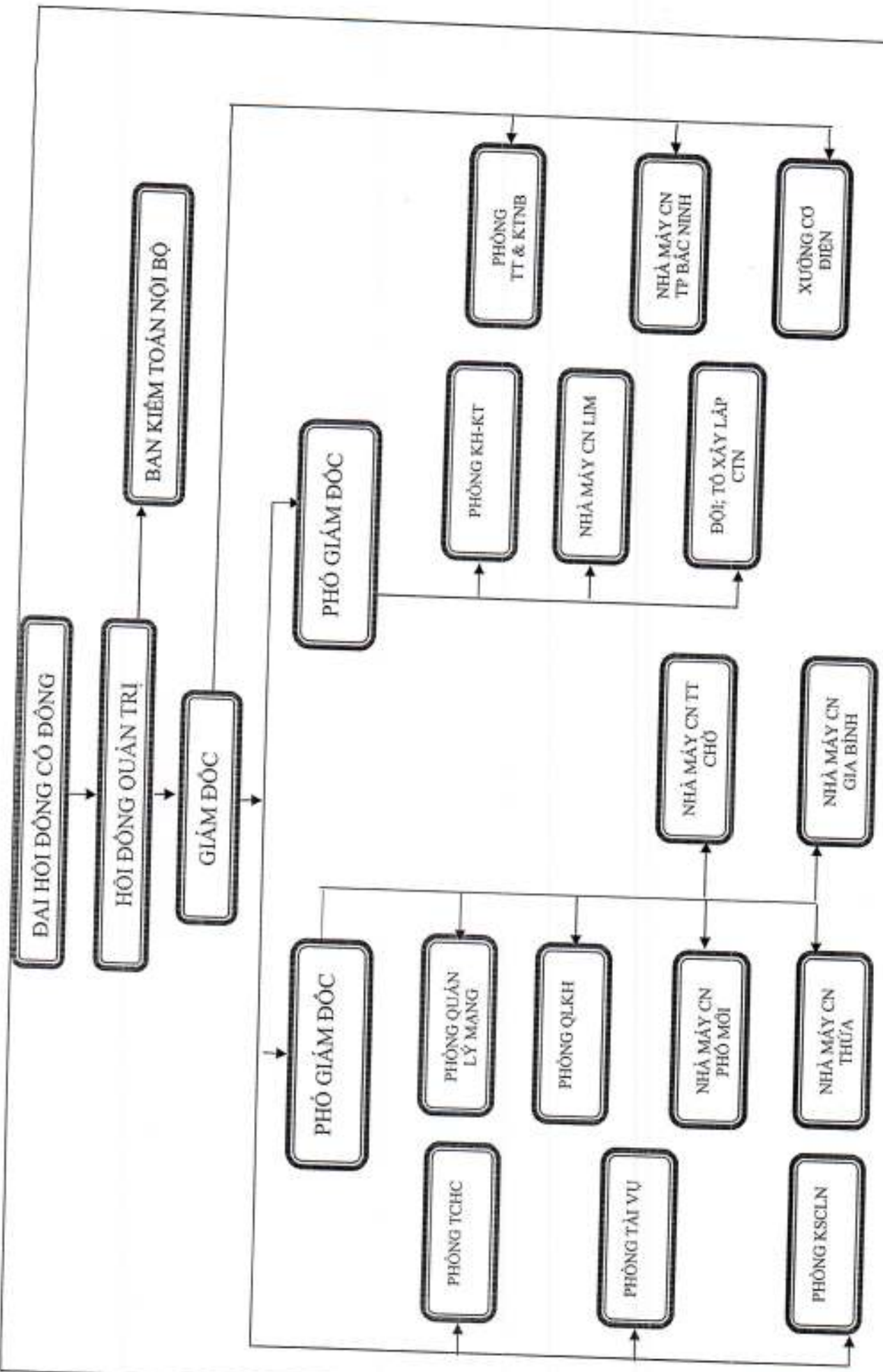
6. Ngành nghề kinh doanh dự kiến

- Sản xuất kinh doanh nước sạch;
- Xây dựng các công trình cấp thoát nước;
- Xây lắp hệ thống điện cao hạ thế đến 35KV;
- Xây dựng nhà dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng các công trình hạ tầng đô thị;
- Xây dựng kênh mương, trạm bơm, đường giao thông nông thôn;
- Xây dựng đường nông thôn nội tỉnh;
- Kinh doanh vật tư thiết bị ngành cấp thoát nước;
- Thiết kế các công trình cấp thoát nước có lưu lượng < 15.000 m³/ngày đêm;
- Thiết kế kết cấu các công trình: thủy nông đến cấp III; đê kè đến cấp II; hồ chứa và đập đến cấp IV;
- Thiết kế kết cấu các công trình dân dụng và công nghiệp đến cấp III;
- Xây lắp các công trình thủy lợi, giao thông;
- Thi công các công trình phòng chống cháy nổ;

7. Cơ cấu tổ chức

7.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức Công ty

Sơ đồ 2: Cơ cấu tổ chức của Công ty sau cổ phần hóa



Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, dưới sự quản trị, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc.

Dự kiến bộ máy tổ chức của Công ty như sau:

- **Đại hội đồng cổ đông:** Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty cổ phần. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; quyết định sửa đổi bổ sung điều lệ; bầu miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, quyết định tổ chức lại, giải thể công ty cổ phần và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và điều lệ.

- **Hội đồng quản trị:** Là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty cổ phần do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Hội đồng quản trị nhân danh Công ty cổ phần do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

- **Chủ tịch hội đồng quản trị:**

+ Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị
+ Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

+ Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;

+ Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;

+ Chủ tọa cuộc họp Đại hội cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;

+ Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

- **Thành viên Hội đồng quản trị độc lập:**

+ Là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và không phải là người có liên quan với Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

+ Không phải là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc của các công ty con, công ty liên kết, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát;

+ Không phải là cổ đông lớn hoặc người đại diện của cổ đông lớn hoặc người có liên quan của cổ đông lớn của công ty;

+ Không làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm toán cho công ty trong hai (02) năm gần nhất;

+ Không phải là đối tác hoặc người liên quan của đối tác có giá trị giao dịch hàng năm với công ty chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) trở lên tổng doanh thu hoặc tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào của công ty trong hai (02) năm gần nhất.

- **Ban giám đốc:**

Gồm Giám đốc và các Phó Giám đốc. Giám đốc là người quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng thuê. Giúp việc cho Giám đốc là các Phó Giám đốc chuyên môn.

Ban Giám đốc Công ty: Gồm 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc.

- **Phòng, ban, đơn vị trực thuộc:**

Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban, đơn vị trực thuộc cơ bản hoạt động theo

mô hình hiện tại, tuy nhiên khi thay đổi cơ cấu tổ chức chức năng nhiệm vụ của một số phòng, ban, đơn vị trực thuộc sẽ được thay đổi cho phù hợp với nhiệm vụ.

8. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

↘ Vốn điều lệ của Công ty cổ phần:

- Vốn điều lệ làm tròn: 375.886.510.000 đồng
- Số cổ phần phát hành: 37.588.651 cổ phần
- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

↘ Cơ cấu vốn điều lệ

Bảng 17: Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ
1	Vốn nhà nước	18.418.439	184.184.390.000	49%
2	Bán cho CBCNV	1.781.500	17.815.000.000	4,74%
2.1	<i>Bán ưu đãi cho CBCNV theo thời gian thực tế làm việc tại khu vực nhà nước</i>	308.500	3.085.000.000	0,82%
2.2	<i>Bán cho CBCNV theo năm cam kết làm việc tại CTCP</i>	1.473.000	14.730.000.000	3,92%
3	Bán cho Công đoàn	0	0	0
4	Bán cho Nhà đầu tư chiến lược	15.855.147	158.551.470.000	42,18%
4.1	Nhà đầu tư chiến lược cá nhân	2.699.233	26.992.330.000	7,18%
4.2	Nhà đầu tư chiến lược tổ chức	13.155.914	131.559.140.000	35%
5	Bán đấu giá cổ phần lần đầu (IPO)	1.533.565	15.335.650.000	4,08%
	Tổng cộng	37.588.651	375.886.510.000	100%

9. Phương thức phát hành cổ phần

9.1. Phương án chào bán cổ phần

Căn cứ Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần, Công ty thực hiện việc bán cổ phần thông qua các phương thức như sau:

- Bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược.
- Bán cổ phần ưu đãi cho người lao động theo số năm làm việc trong khu vực nhà nước.
- Bán cổ phần ưu đãi cho người lao động theo số năm cam kết làm việc tại công ty

cổ phần và người lao động là chuyên gia giỏi, lao động có trình độ cao.

- Bán cổ phần cho Tổ chức công đoàn.
- Bán cổ phần cho nhà đầu tư thông qua đấu giá.

Tất cả cổ phần của Công ty tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông. Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty cổ phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

9.2. Cổ phần Nhà nước nắm giữ

Số lượng cổ phần Nhà nước nắm giữ là: 18.418.439 cổ phần chiếm 49% vốn điều lệ Công ty Cổ phần (đã trừ đi chi phí cổ phần hóa và phần bù đắp giá trị cổ phần bán ưu đãi cho người lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp theo số năm làm việc trong khu vực nhà nước). Số lượng cổ phần không bán hết Công ty sẽ báo cáo các cơ quan có thẩm quyền để xử lý giảm vốn điều lệ của Công ty Cổ phần.

9.3. Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động

Cổ phần ưu đãi cho người lao động gồm hai hình thức chi tiết như sau:

- ↳ Bán cổ phần ưu đãi cho Cán bộ công nhân viên theo thời gian thực tế làm việc trong Khu vực nhà nước

Căn cứ Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực Nhà nước với giá bán bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho nhà đầu tư chiến lược.

Tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp, tổng số lao động có tên trong danh sách thường xuyên của công ty là 348 lao động. Căn cứ hướng dẫn tại Thông tư 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/10/2015 Bộ Lao động thương binh và xã hội về hướng dẫn hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và Sổ Bảo hiểm lao động của người lao động, Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh đã lập danh sách lao động công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua ưu đãi theo thực tế làm việc tại khu vực nhà nước và công bố danh sách này tại Hội nghị người lao động. Danh sách lao động được mua ưu đãi theo thời gian thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước và số cổ phần mỗi người lao động được mua đã được công bố công khai và được người lao động nhất trí thông qua tại Hội nghị công nhân viên chức Công ty cụ thể như sau:

- Tổng số cổ phần được mua ưu đãi : 308.500 cổ phần – tương đương giá trị 3.085.000.000 đồng tính theo mệnh giá chiếm 0,82 % vốn điều lệ Công ty cổ phần
- Giá bán : 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược
- Thời gian thực hiện : Việc triển khai bán cổ phần cho người lao động sẽ thực hiện sau khi bán cho Nhà đầu tư chiến lược

(Danh sách người lao động được mua ưu đãi theo thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước kèm theo phương án này)

(Biên bản Hội nghị công nhân viên chức kèm theo Phương án này)

↳ Cổ phần ưu đãi bán cho người lao động thời gian cam kết làm việc tại Công ty cổ phần

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ – CP của Chính phủ ngày 18 tháng 07 năm 2011 về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần:

Lao động thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) được mua thêm cổ phần ưu đãi theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động.

Đối với người lao động được coi là chuyên gia giỏi được mua thêm 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một lao động.

Hội nghị công nhân viên chức công ty đã thông qua tiêu chí lao động chuyên gia giỏi gồm:

- Lao động là Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng, Phó phòng;
- Người lao động có trình độ chuyên môn từ Thạc sỹ trở lên;
- Người lao động đang làm việc thực tế, có ký HĐLĐ chính thức tại Công ty

Công ty đã tổ chức Hội nghị công nhân viên chức để phổ biến tới người lao động chính sách ưu đãi cho người lao động trong phương án cổ phần hóa, kết quả như sau:

- Tổng số cổ phần : 1.473.000 cổ phần – giá trị tính theo mệnh giá CBCNV đăng ký mua 14.730.000.000 chiếm 3,92% vốn điều lệ Công ty cổ phần
- Giá bán: : 100% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược
- Thời gian thực hiện: : Việc triển khai bán cổ phần cho người lao động sẽ thực hiện sau khi bán cho Nhà đầu tư chiến lược

(Biên bản Hội nghị công nhân viên chức kèm theo Phương án)

Tổng số cổ phần bán cho người lao động là: 1.781.500 cổ phần – giá trị tương ứng tính theo mệnh giá 17.815.000.000 đồng chiếm 4,74% vốn điều lệ của Công ty cổ phần.

9.4. Cổ phần bán cho Công đoàn

Theo quy định điểm c khoản 2 Điều 36 Nghị định số 59/NĐ-CP thì Công đoàn cơ sở doanh nghiệp được sử dụng nguồn quỹ công đoàn tại doanh nghiệp cổ phần hóa để mua cổ phần ưu đãi nhưng không quá 3% vốn điều lệ. Tuy nhiên, Công ty TNHH MTV